|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**Số: 1573/QĐ-BKHCN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2018* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

*(Lĩnh vực: Hoạt động khoa học và công nghệ)*

**BỘ TRƯỞNG**

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ, Cục trưởng Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ, Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ và Chánh Văn phòng Bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định này được quy định tại Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2018.

Bãi bỏ Quyết định số 1582/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ *(Lĩnh vực: hoạt động khoa học và công nghệ).*

**Điều 3.** Vụ trưởng Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định Công nghệ, Cục trưởng Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ, Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);- Trung tâm CNTT (để cập nhật);- Lưu: VT, ĐTG, VP. | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG*****Đã ký*****Trần Văn Tùng** |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**

**CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**(Lĩnh vực: Hoạt động khoa học và công nghệ)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số*  1573*/QĐ-BKHCN*

*ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**PHẦN I. DANH MỤC** **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Lĩnh vực**  | **Cơ quan thực hiện** |
| ***A. Thủ tục hành chính cấp trung ương*** |
| 1 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ  | Hoạt động khoa học và công nghệ | - Bộ Khoa học và Công nghệ- Bộ quản lý ngành, lĩnh vực |
| 2 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | - Bộ Khoa học và Công nghệ- Bộ quản lý ngành, lĩnh vực |
| 3 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | - Bộ Khoa học và Công nghệ- Bộ quản lý ngành, lĩnh vực |
| 4 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | - Bộ Khoa học và Công nghệ- Bộ quản lý ngành, lĩnh vực |
| 5 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | - Bộ Khoa học và Công nghệ- Bộ quản lý ngành, lĩnh vực |
| 6 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | - Bộ Khoa học và Công nghệ- Bộ quản lý ngành, lĩnh vực |
| 7 | Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu  | Hoạt động khoa học và công nghệ | Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực  |
| 8 | Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu | Hoạt động khoa học và công nghệ | Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực  |
| 9 | Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến  | Hoạt động khoa học và công nghệ | Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực  |
| 10 | Thủ tục công bố công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 11 | Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ |
| 12 | Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ |
| 13 | Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ |
| 14 | Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ. |
| ***B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh*** |
| 1 | Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu | Hoạt động khoa học và công nghệ | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh |
| 2 | Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu | Hoạt động khoa học và công nghệ | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh |
| 3 | Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến | Hoạt động khoa học và công nghệ | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh |
| 4 | Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh |
| 5 | Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh |
| 6 | Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh |
| 7 | Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh |

**2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính được thay thế** | **Tên thủ tục hành chính thay thế** | **Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế**  | **Lĩnh vực**  | **Cơ quan thực hiện** |
| ***A. Thủ tục hành chính cấp trung ương*** |
| 1 | B-BKC-282455-TT | Thủ tục chấp thuận chuyển giao công nghệ đối với công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao | Thủ tục chấp thuận chuyển giao công nghệ  | - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;- Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018[[1]](#footnote-1)  | Hoạt động khoa học và công nghệ | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 2 | B-BKC-282456-TT | Thủ tục cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ đối với công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao | Thủ tục cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ  | - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;- Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018  | Hoạt động khoa học và công nghệ | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 3 | B-BKC-282451-TT | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ đối với công nghệ thuộc dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đầu tư | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ  | - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; | Hoạt động khoa học và công nghệ | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 4 | B-BKC-282452-TT | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ | - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;- Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018  | Hoạt động khoa học và công nghệ | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| ***B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh*** |
| 1 | B-BKC-282453-TT | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) | - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; | Hoạt động khoa học và công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 2 | B-BKC-282454-TT | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) | - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;- Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018  | Hoạt động khoa học và công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**I. Thủ tục hành chính cấp Trung ương**

**1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Trường hợp đăng ký hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ chuyên ngành thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của một bộ quản lý ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ đến bộ quản lý ngành, lĩnh vực đó.

-  Trường hợp đăng ký hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của từ hai bộ quản lý ngành, lĩnh vực trở lên, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ đến Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ xem xét hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đề nghị doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng các yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ cho doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ.

+ Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

-  Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ;

+ Quyết định thành lập tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trường hợp nộp trực tiếp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu; trường hợp gửi qua đường bưu điện: Gửi bản sao có chứng thực);

+ Danh sách các chuyên gia đánh giá công nghệ, kèm theo tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia đánh giá công nghệ gồm: Thỏa thuận hợp tác giữa chuyên gia với tổ chức; bản sao chứng thực bằng cấp với chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công nghệ cần đánh giá; tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ của chuyên gia;

+ Tài liệu thuyết minh phương pháp, quy trình đánh giá công nghệ tương ứng với từng lĩnh vực công nghệ cần đánh giá.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ có đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.

***e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:***

- Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ đối với trường hợp đăng ký hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ chuyên ngành thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của một bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ đối với trường hợp đăng ký hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của từ hai bộ quản lý ngành, lĩnh vực trở lên.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- [Đơn đề nghị cấp](http://www.most.gov.vn/most/15Mau1_don_de_nghi.doc/mlfile_view) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ*.*

*-* Danh sách chuyên gia đánh giá công nghệ của tổ chức*.*

- Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ của chuyên gia đánh giá công nghệ*.*

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Được thành lập, đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Có ít nhất 02 chuyên gia có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công nghệ cần đánh giá, có kinh nghiệm làm việc từ 03 năm trở lên trong lĩnh vực công nghệ cần đánh giá.

- Có phương pháp, quy trình đánh giá công nghệ do tổ chức ban hành.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

**Mẫu**

**Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động**

**dịch vụ đánh giá công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

 **HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ**

Kính gửi: ………………………………………………

1. Tên tổ chức: ..............................................................................................

2. Địa chỉ liên lạc: .........................................................................................

Điện thoại:………….. Fax:………………… E-mail: .................................

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số……….. Cơ quan cấp:….……. cấp ngày…..… tại …….…..

4. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ đối với ngành…………..[[2]](#footnote-2), trong lĩnh vực …………………..[[3]](#footnote-3)

5. Hồ sơ kèm theo:

- ……………………………………………………………………………

- ……………………………………………………………………………

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ nêu trên.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ đánh giá công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

|  |  |
| --- | --- |
|    | **LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu**

**Danh sách chuyên gia đánh giá công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

 **TÊN TỔ CHỨC: …………**

**DANH SÁCH**

**CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC**

**Danh sách chuyên gia đánh giá công nghệ của tổ chức đánh giá công nghệ**:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên/năm sinh** | **Chuyên môn được đào tạo** | **Kinh nghiệm công tác** (ghi số năm) | **Kinh nghiệm đánh giá công nghệ** (ghi số cuộc) | **Thỏa thuận hợp tác hoặc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng đã ký** | **Ngành, lĩnh vực sẽ thực hiện đánh giá công nghệ tại tổ chức** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

(Tên tổ chức) gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của chuyên gia đánh giá công nghệ đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
|    | *………, ngày…… tháng…… năm……***LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu**

**Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ của chuyên gia**

**đánh giá công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ**

**CỦA CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ**

**1. Họ và tên:** ………………………….…………………………………

Địa chỉ liên hệ: ……………………...……………………………………

Điện thoại:………..…. Fax:……..……… E-mail:………………………

**2. Quá trình công tác:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thời gian** | **Nhiệm vụ chuyên môn** | **Đơn vị công tác** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3. Kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh giá công nghệ:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thời gian** | **Tên tổ chức, doanh nghiệp đã đánh giá** | **Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp** | **Lĩnh vực đánh giá công nghệ** | **Kết quả đánh giá công nghệ** |
|   |  Từ năm… đến năm… |   |   |   |   |
|   |  Từ năm… đến năm… |   |   |   |   |

Thông tin khác: ……………………………………………………………

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

|  |  |
| --- | --- |
|   | *………, ngày…… tháng…… năm……***NGƯỜI KHAI***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu**

**Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **(TÊN CƠ QUAN CẤPGIẤY CHỨNG NHẬN)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ………………… | *Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm* |

**GIẤY CHỨNG NHẬN** **ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

**HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định/Quyết định số………… quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận);

Xét đề nghị của (tên đơn vị được giao thẩm xét hồ sơ) và/hoặc (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận), chứng nhận:

1. (Tên tổ chức) ……………………………………

Địa chỉ: …………………………………………………………………..

Điện thoại:…….…… Fax:……………… E-mail: ……………………...

Đã đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ đối với ngành………………[[4]](#footnote-4), trong lĩnh vực…………………………[[5]](#footnote-5)

2. Số đăng ký: ……………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Tên tổ chức tại mục 1;- Lưu VT,... | **LÃNH ĐẠO CƠ QUANCẤP GIẤY CHỨNG NHẬN***(Ký tên, đóng dấu)* |

**2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận trước đó.

- Cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ xem xét hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đề nghị doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng các yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ cho doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ.

+ Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

-  Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ;

+ Danh sách sửa đổi, bổ sung các chuyên gia đánh giá công nghệ, kèm theo tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia đánh giá công nghệ gồm: Thỏa thuận hợp tác giữa chuyên gia với tổ chức; bản sao chứng thực bằng cấp; tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ của chuyên gia.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.

***e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:*** Cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ: Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- [Đơn đề nghị sửa](http://www.most.gov.vn/most/15Mau1_don_de_nghi.doc/mlfile_view) đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ*.*

*-* Danh sách sửa đổi, bổ sung chuyên gia đánh giá công nghệ của tổ chức*.*

- Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ của chuyên gia đánh giá công nghệ*.*

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ được sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Có ít nhất 02 chuyên gia có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công nghệ sửa đổi, bổ sung cần đánh giá, có kinh nghiệm làm việc từ 03 năm trở lên trong lĩnh vực công nghệ sửa đổi, bổ sung cần đánh giá.

- Có phương pháp, quy trình đánh giá đối với lĩnh vực công nghệ sửa đổi, bổ sung do tổ chức ban hành.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

**Mẫu**

**Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động**

**dịch vụ đánh giá công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

**HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ**

Kính gửi: ………………………………………………

1. Tên tổ chức: ..............................................................................................

2. Địa chỉ liên lạc: .........................................................................................

Điện thoại:………….. Fax:………………… E-mail: .................................

3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ số:…………. ngày …/…/20.... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) đối với ngành…………..[[6]](#footnote-6), trong lĩnh vực …………………..[[7]](#footnote-7)

4. Hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ đề nghị sửa đổi, bổ sung (nêu cụ thể ngành…..[[8]](#footnote-8), lĩnh vực …..[[9]](#footnote-9) đề nghị bổ sung) hoặc danh sách chuyên gia đánh giá công nghệ sửa đổi, bổ sung (họ tên, năm sinh, trình độ đào tạo, ngành, lĩnh vực thực hiện đánh giá công nghệ tại tổ chức).

5. Hồ sơ kèm theo:

- ……………………………………………………………………………

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét để (tên tổ chức) được sửa đổi, bổ sung điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ đối với………….. (nêu cụ thể ngành, lĩnh vực đề nghị bổ sung).

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

|  |  |
| --- | --- |
|    | **LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu**

**Danh sách chuyên gia đánh giá công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

 **TÊN TỔ CHỨC: …………**

**DANH SÁCH**

**CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC**

**Danh sách chuyên gia đánh giá công nghệ của tổ chức đánh giá công nghệ**:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên/năm sinh** | **Chuyên môn được đào tạo** | **Kinh nghiệm công tác** (ghi số năm) | **Kinh nghiệm đánh giá công nghệ** (ghi số cuộc) | **Thỏa thuận hợp tác hoặc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng đã ký** | **Ngành, lĩnh vực sẽ thực hiện đánh giá công nghệ tại tổ chức** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

(Tên tổ chức) gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của chuyên gia đánh giá công nghệ đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
|    | *………, ngày…… tháng…… năm……***LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu**

**Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ của chuyên gia**

**đánh giá công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ**

**CỦA CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ**

**1. Họ và tên:** ………………………….…………………………………

Địa chỉ liên hệ: ……………………...……………………………………

Điện thoại:………..…. Fax:……..……… E-mail:………………………

**2. Quá trình công tác:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thời gian** | **Nhiệm vụ chuyên môn** | **Đơn vị công tác** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3. Kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh giá công nghệ:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thời gian** | **Tên tổ chức, doanh nghiệp đã đánh giá** | **Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp** | **Lĩnh vực đánh giá công nghệ** | **Kết quả đánh giá công nghệ** |
|   |  Từ năm… đến năm… |   |   |   |   |
|   |  Từ năm… đến năm… |   |   |   |   |

Thông tin khác: ……………………………………………………………

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

|  |  |
| --- | --- |
|   | *………, ngày…… tháng…… năm……***NGƯỜI KHAI***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu**

**Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **(TÊN CƠ QUAN CẤPGIẤY CHỨNG NHẬN)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ………………… | *Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm* |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

**HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định/Quyết định số………… quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận);

Xét đề nghị của (tên đơn vị được giao thẩm xét hồ sơ) và/hoặc (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận), chứng nhận:

1. (Tên tổ chức) ……………………………………

Địa chỉ: …………………………………………………………………..

Điện thoại:…….…… Fax:……………… E-mail: ……………………...

Đã đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ đối với ngành………………[[10]](#footnote-10), trong lĩnh vực…………………………[[11]](#footnote-11)

2. Số đăng ký: ……………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Tên tổ chức tại mục 1;- Lưu VT,... | **LÃNH ĐẠO CƠ QUANCẤP GIẤY CHỨNG NHẬN***(Ký tên, đóng dấu)* |

**3. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ trong trường hợp Giấy chứng nhận đã được cấp bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ của doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng được yêu cầu thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

-  Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ;

+ Bản chính Giấy chứng nhận bị hư hỏng (nếu có) đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.

***e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:*** Cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ: Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** [Đơn đề nghị cấp](http://www.most.gov.vn/most/15Mau1_don_de_nghi.doc/mlfile_view) lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ*.*

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không có.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

**Mẫu**

**Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động**

**dịch vụ đánh giá công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

 **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

**HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ**

Kính gửi: …………………………………………………

1. Tên tổ chức: ..............................................................................................

2. Địa chỉ liên lạc: .........................................................................................

Điện thoại:………….. Fax:………………… E-mail: .................................

3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ số:………………. ngày …/…/20.... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) đối với ngành…………..[[12]](#footnote-12), trong lĩnh vực …………………..[[13]](#footnote-13)

4. Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ: …………………………………………………...

5. Hồ sơ kèm theo:

- ……………………………………………………………………………

- ……………………………………………………………………………

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ cho...........(tên tổ chức).

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ đánh giá công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

|  |  |
| --- | --- |
|    | **LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu**

**Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **(TÊN CƠ QUAN CẤPGIẤY CHỨNG NHẬN)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ………………… | *Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm* |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

**HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định/Quyết định số………… quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận);

Xét đề nghị của (tên đơn vị được giao thẩm xét hồ sơ) và/hoặc (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận), chứng nhận:

1. (Tên tổ chức) ……………………………………

Địa chỉ: …………………………………………………………………..

Điện thoại:…….…… Fax:……………… E-mail: ……………………...

Đã đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ đối với ngành………………[[14]](#footnote-14), trong lĩnh vực…………………………[[15]](#footnote-15)

2. Số đăng ký: ……………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Tên tổ chức tại mục 1;- Lưu VT,... | **LÃNH ĐẠO CƠ QUANCẤP GIẤY CHỨNG NHẬN***(Ký tên, đóng dấu)* |

**4. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Trường hợp đăng ký hoạt động dịch vụ giám định công nghệ chuyên ngành thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của một bộ quản lý ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đến bộ quản lý ngành, lĩnh vực đó.

-  Trường hợp đăng ký hoạt động dịch vụ giám định công nghệ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của từ hai bộ quản lý ngành, lĩnh vực trở lên, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đến Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ xem xét hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đề nghị doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng các yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ cho doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ.

+ Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

-  Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ;

+ Quyết định thành lập tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trường hợp nộp trực tiếp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu; trường hợp gửi qua đường bưu điện: Gửi bản sao có chứng thực);

+ Tài liệu chứng minh doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020:2012 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020:2012 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với giám định chuyên ngành;

+ Danh sách các giám định viên công nghệ, kèm theo tài liệu liên quan đối với mỗi giám định viên công nghệ gồm: Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động; bản sao chứng thực bằng cấp có chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công nghệ cần giám định; bản sao chứng thực chứng chỉ đào tạo về tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020:2012 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020:2012 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với giám định chuyên ngành; tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ của giám định viên;

+ Tài liệu thuyết minh phương pháp, quy trình giám định công nghệ tương ứng với từng lĩnh vực công nghệ cần giám định;

+ Mẫu chứng thư giám định của doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ có đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.

***e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:***

- Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đối với trường hợp đăng ký hoạt động dịch vụ giám định công nghệ chuyên ngành thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của một bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đối với trường hợp đăng ký hoạt động dịch vụ giám định công nghệ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của từ hai bộ quản lý ngành, lĩnh vực trở lên.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- [Đơn đề nghị cấp](http://www.most.gov.vn/most/15Mau1_don_de_nghi.doc/mlfile_view) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ*.*

*-* Danh sách giám định viên công nghệ của tổ chức*.*

- Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ của giám định viên công nghệ*.*

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Được thành lập, đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật;

- Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020:2012 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020:2012 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với giám định chuyên ngành.

- Có ít nhất 02 giám định viên chính thức trong lĩnh vực công nghệ giám định của tổ chức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn), đáp ứng điều kiện:

+ Tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công nghệ cần giám định;

+ Được đào tạo về tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020:2012 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020:2012 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với giám định chuyên ngành;

+ Có kinh nghiệm làm việc từ 03 năm trở lên trong lĩnh vực công nghệ cần giám định.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

**Mẫu**

**Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động**

**dịch vụ giám định công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

 **HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ**

Kính gửi: ………………………………………………

1. Tên tổ chức: ..............................................................................................

2. Địa chỉ liên lạc: .........................................................................................

Điện thoại:………….. Fax:………………… E-mail: .................................

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số……….. Cơ quan cấp:….……. cấp ngày…..… tại …….…..

4. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đối với ngành…………..[[16]](#footnote-16), trong lĩnh vực …………………..[[17]](#footnote-17)

5. Hồ sơ kèm theo:

- ……………………………………………………………………………

- ……………………………………………………………………………

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ nêu trên.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ giám định công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

|  |  |
| --- | --- |
|    | **LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu**

**Danh sách chuyên gia giám định công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

 **TÊN TỔ CHỨC: …………**

**DANH SÁCH**

 **GIÁM ĐỊNH VIÊN CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC**

**Danh sách giám định viên công nghệ của tổ chức giám định công nghệ**:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên/năm sinh** | **Chuyên môn được đào tạo** | **Kinh nghiệm công tác** (ghi số năm) | **Kinh nghiệm giám định công nghệ** (ghi số cuộc) | **Thỏa thuận hợp tác hoặc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng đã ký** | **Ngành, lĩnh vực sẽ thực hiện giám định công nghệ tại tổ chức** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

(Tên tổ chức) gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của giám định viên công nghệ đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
|    | *………, ngày…… tháng…… năm……***LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu**

**Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ của giám định viên công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ**

**CỦA GIÁM ĐỊNH VIÊN CÔNG NGHỆ**

**1. Họ và tên:** ………………………….…………………………………

Địa chỉ liên hệ: ……………………...……………………………………

Điện thoại:………..…. Fax:……..……… E-mail:………………………

**2. Quá trình công tác:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thời gian** | **Nhiệm vụ chuyên môn** | **Đơn vị công tác** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3. Kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh giá/giám định công nghệ:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thời gian** | **Tên tổ chức, doanh nghiệp đã giám định** | **Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp** | **Lĩnh vực giám định công nghệ 1** | **Kết quả giám định công nghệ** |
|   |  Từ năm… đến năm… |   |   |   |   |
|   |  Từ năm… đến năm… |   |   |   |   |

Thông tin khác: ……………………………………………………………

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

|  |  |
| --- | --- |
|   | *………, ngày…… tháng…… năm……***NGƯỜI KHAI***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu**

**Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **(TÊN CƠ QUAN CẤPGIẤY CHỨNG NHẬN)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ………………… | *Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm* |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

**HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định/Quyết định số………… quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận);

Xét đề nghị của (tên đơn vị được giao thẩm xét hồ sơ) và/hoặc (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận), chứng nhận:

1. (Tên tổ chức) ……………………………………

Địa chỉ: …………………………………………………………………..

Điện thoại:…….…… Fax:……………… E-mail: ……………………...

Đã đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đối với ngành………………[[18]](#footnote-18), trong lĩnh vực…………………………[[19]](#footnote-19)

2. Số đăng ký: ……………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Tên tổ chức tại mục 1;- Lưu VT,... | **LÃNH ĐẠO CƠ QUANCẤP GIẤY CHỨNG NHẬN***(Ký tên, đóng dấu)* |

**5. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận trước đó.

- Cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ xem xét hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đề nghị doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng các yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ cho doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ.

+ Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

-  Thành phần hồ sơ bao gồm:

 + Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ;

+ Danh sách sửa đổi, bổ sung các giám định viên công nghệ, kèm theo tài liệu liên quan đối với mỗi giám định viên công nghệ gồm: Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động; bản sao chứng thực bằng cấp có chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công nghệ cần giám định; bản sao chứng thực chứng chỉ đào tạo về tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020:2012 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020:2012 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với giám định chuyên ngành; tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ của giám định viên.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ đã được Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.

***e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:*** Cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ: Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- [Đơn đề nghị sửa](http://www.most.gov.vn/most/15Mau1_don_de_nghi.doc/mlfile_view) đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ*.*

*-* Danh sách sửa đổi, bổ sung giám định viên công nghệ của tổ chức*.*

- Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ của giám định viên công nghệ*.*

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ được sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020:2012 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020:2012 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với giám định chuyên ngành.

- Có ít nhất 02 giám định viên chính thức trong lĩnh vực công nghệ giám định được bổ sung của tổ chức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn), đáp ứng điều kiện:

+ Tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công nghệ cần giám định;

+ Được đào tạo về tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020:2012 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020:2012 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với giám định chuyên ngành;

+ Có kinh nghiệm làm việc từ 03 năm trở lên trong lĩnh vực công nghệ cần giám định.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

**Mẫu**

**Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động**

**dịch vụ giám định công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

**HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ**

Kính gửi: ………………………………………………

1. Tên tổ chức: ..............................................................................................

2. Địa chỉ liên lạc: .........................................................................................

Điện thoại:………….. Fax:………………… E-mail: .................................

3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ số:…………………. ngày …/…/20.... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) đối với ngành…………..[[20]](#footnote-20), trong lĩnh vực …………………..[[21]](#footnote-21)

4. Hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đề nghị sửa đổi, bổ sung (nêu cụ thể ngành…..[[22]](#footnote-22), lĩnh vực …..[[23]](#footnote-23) đề nghị bổ sung) hoặc danh sách giám định viên công nghệ sửa đổi, bổ sung (họ tên, năm sinh, trình độ đào tạo, ngành, lĩnh vực thực hiện giám định công nghệ tại tổ chức).

5. Hồ sơ kèm theo:

- ……………………………………………………………………………

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét để (tên tổ chức) được sửa đổi, bổ sung điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đối với………….. (nêu cụ thể ngành, lĩnh vực đề nghị bổ sung).

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ giám định công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|

|  |  |
| --- | --- |
|    | **LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC***(Ký tên, đóng dấu)* |

 |

**Mẫu**

**Danh sách chuyên gia giám định công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

 **TÊN TỔ CHỨC: …………**

**DANH SÁCH**

 **GIÁM ĐỊNH VIÊN CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC**

**Danh sách giám định viên công nghệ của tổ chức giám định công nghệ**:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên/năm sinh** | **Chuyên môn được đào tạo** | **Kinh nghiệm công tác** (ghi số năm) | **Kinh nghiệm giám định công nghệ** (ghi số cuộc) | **Thỏa thuận hợp tác hoặc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng đã ký** | **Ngành, lĩnh vực sẽ thực hiện giám định công nghệ tại tổ chức** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

(Tên tổ chức) gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của giám định viên công nghệ đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
|    | *………, ngày…… tháng…… năm……***LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu**

**Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ của giám định viên công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ**

**CỦA GIÁM ĐỊNH VIÊN CÔNG NGHỆ**

**1. Họ và tên:** ………………………….…………………………………

Địa chỉ liên hệ: ……………………...……………………………………

Điện thoại:………..…. Fax:……..……… E-mail:………………………

**2. Quá trình công tác:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thời gian** | **Nhiệm vụ chuyên môn** | **Đơn vị công tác** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3. Kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh giá/giám định công nghệ:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thời gian** | **Tên tổ chức, doanh nghiệp đã giám định** | **Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp** | **Lĩnh vực giám định công nghệ 1** | **Kết quả giám định công nghệ** |
|   |  Từ năm… đến năm… |   |   |   |   |
|   |  Từ năm… đến năm… |   |   |   |   |

Thông tin khác: ……………………………………………………………

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

|  |  |
| --- | --- |
|   | *………, ngày…… tháng…… năm……***NGƯỜI KHAI***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu**

**Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **(TÊN CƠ QUAN CẤPGIẤY CHỨNG NHẬN)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ………………… | *Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm* |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

**HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định/Quyết định số………… quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận);

Xét đề nghị của (tên đơn vị được giao thẩm xét hồ sơ) và/hoặc (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận), chứng nhận:

1. (Tên tổ chức) ……………………………………

Địa chỉ: …………………………………………………………………..

Điện thoại:…….…… Fax:……………… E-mail: ……………………...

Đã đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đối với ngành………………[[24]](#footnote-24), trong lĩnh vực…………………………[[25]](#footnote-25)

2. Số đăng ký: ……………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Tên tổ chức tại mục 1;- Lưu VT,... | **LÃNH ĐẠO CƠ QUANCẤP GIẤY CHỨNG NHẬN***(Ký tên, đóng dấu)* |

**6. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ trong trường hợp Giấy chứng nhận đã được cấp bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ của doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

-  Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ;

+ Bản chính Giấy chứng nhận bị hư hỏng (nếu có) đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.

***e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:*** Cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ: Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** [Đơn đề nghị cấp](http://www.most.gov.vn/most/15Mau1_don_de_nghi.doc/mlfile_view) lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ*.*

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không có.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

**Mẫu**

**Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động**

**dịch vụ giám định công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

 **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

**HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ**

Kính gửi: …………………………………………………

1. Tên tổ chức: ..............................................................................................

2. Địa chỉ liên lạc: .........................................................................................

Điện thoại:………….. Fax:………………… E-mail: .................................

3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ số:………………. ngày …/…/20.... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) đối với ngành…………..[[26]](#footnote-26), trong lĩnh vực …………………..[[27]](#footnote-27)

4. Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ: …………………………………………………...

5. Hồ sơ kèm theo:

- ……………………………………………………………………………

- ……………………………………………………………………………

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ cho...........(tên tổ chức).

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ giám định công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

|  |  |
| --- | --- |
|    | **LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu**

**Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **(TÊN CƠ QUAN CẤPGIẤY CHỨNG NHẬN)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ………………… | *Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm* |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

**HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định/Quyết định số………… quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận);

Xét đề nghị của (tên đơn vị được giao thẩm xét hồ sơ) và/hoặc (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận), chứng nhận:

1. (Tên tổ chức) ……………………………………

Địa chỉ: …………………………………………………………………..

Điện thoại:…….…… Fax:……………… E-mail: ……………………...

Đã đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đối với ngành………………[[28]](#footnote-28), trong lĩnh vực…………………………[[29]](#footnote-29)

2. Số đăng ký: ……………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Tên tổ chức tại mục 1;- Lưu VT,... | **LÃNH ĐẠO CƠ QUANCẤP GIẤY CHỨNG NHẬN***(Ký tên, đóng dấu)* |

**7. Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến Bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

- Bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý xem xét, đánh giá hồ sơ:

+ Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có);

 + Thực hiện việc đánh giá đối với hồ sơ hợp lệ thông qua hội đồng đánh giá công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Hội đồng đánh giá có từ 07 đến 09 thành viên, gồm đại diện của các cơ quan quản lý và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan;

+ Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu.

+ Trường hợp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không được công nhận, Bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

-  Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân;

+ Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc văn bản cam kết trong trường hợp không có tài liệu chứng minh;

+ Tài liệu mô tả đặc tính, hiệu quả về kỹ thuật, kinh tế - xã hội, môi trường của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (bản vẽ, thiết kế, quy trình, sơ đồ, kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá, thử nghiệm);

+ Tài liệu thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn;

+ Các tài liệu sau (nếu có): Văn bản nhận xét của tổ chức, cá nhân về hiệu quả ứng dụng thực tiễn, giải thưởng, tài liệu về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, tài liệu khác.

 - Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

 - Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc;

- Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu : 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu có đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

***e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:***

Bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

Quyết định công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Chưa ban hành.

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

- Tuân thủ các quy định pháp luật về quyền sở hữu đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

- Làm rõ nội dung, phương pháp thực hiện nghiên cứu, thử nghiệm, chuyển giao, ứng dụng; đặc tính, hiệu quả về kỹ thuật của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực cụ thể;

- Làm rõ phạm vi, quy mô ứng dụng, chuyển giao; giá trị kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh trong điều kiện cụ thể của đất nước, địa phương.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

**8. Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến Bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

- Bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý xem xét, đánh giá hồ sơ theo trình tự:

+ Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có). Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do;

 + Thực hiện việc đánh giá đối với hồ sơ hợp lệ thông qua hội đồng đánh giá. Hội đồng đánh giá có từ 07 đến 09 thành viên, gồm đại diện của các cơ quan quản lý và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan;

+ Phê duyệt kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghê do tổ chức cá nhân tự đầu tư nghiên cứu để xem xét hỗ trợ kinh phí, mua .

+ Trường hợp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghê không được phê duyệt phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

-  Thành phần hồ sơ bao gồm:

(i) Đối với đề nghị hỗ trợ kinh phí, hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị kèm theo thuyết minh;

+ Văn bản công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ quan có thẩm quyền;

+ Tài liệu thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đưa vào ứng dụng, chuyển giao không quá 03 năm.

(ii) Đối với đề nghị mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị kèm theo thuyết minh;

+ Văn bản công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ quan có thẩm quyền;

+ Văn bản kiến nghị của cơ quan, tổ chức về sự cần thiết mua và phương án quản lý, khai thác, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

 - Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc;

- Phê duyệt kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để xem xét hỗ trợ kinh phí, mua: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu có đề nghị hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

***e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:***

Bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

Quyết định phê duyệt kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để xem xét hỗ trợ kinh phí, mua.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Chưa ban hành

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

- Đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được Bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý xem xét hỗ trợ, phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

+ Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn trong thời gian không quá 3 năm kể từ thời điểm ứng dụng, chuyển giao;

+ Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao;

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ có phương án khả thi về thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được Bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý xem xét mua, phải đáp ứng điều kiện: Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn, được cơ quan có thẩm quyền công nhận và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương và quốc phòng, an ninh.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

**9. Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị mua sáng chế, sáng kiến đến Bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

- Bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý xem xét, đánh giá hồ sơ theo trình tự sau:

+ Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có). Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do;

 + Thực hiện việc đánh giá đối với hồ sơ hợp lệ thông qua hội đồng đánh giá. Hội đồng đánh giá có từ 07 đến 09 thành viên, gồm đại diện của các cơ quan quản lý và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan;

+ Phê duyệt sáng chế, sáng kiến để xem xét mua.

+ Trường hợp sáng chế, sáng kiến không được phê duyệt phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành lĩnh vực thuộc thẩm quyền hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

-  Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị Nhà nước mua sáng chế, sáng kiến;

+ Văn bằng bảo hộ sáng chế, giấy chứng nhận sáng kiến;

+ Tài liệu thể hiện hiệu quả áp dụng sáng chế, sáng kiến trong thực tiễn và khả năng mở rộng quy mô áp dụng;

+ Văn bản kiến nghị của cơ quan, tổ chức về sự cần thiết mua sáng chế, sáng kiến và phương án quản lý, khai thác, chuyển giao.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc;

- Phê duyệt sáng chế, sáng kiến để xem xét mua: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân có đề nghị mua sáng chế, sáng kiến.

***e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:*** Bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định phê duyệt sáng chế, sáng kiến để xem xét mua.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Chưa ban hành

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

- Làm rõ hiệu lực, phạm vi bảo hộ, nội dung giải pháp của sáng chế được bảo hộ; nội dung sáng kiến được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

- Làm rõ hiệu quả ứng dụng thực tiễn của sáng chế, sáng kiến; nhu cầu của doanh nghiệp, công chúng; điều kiện, khả năng mở rộng quy mô áp dụng sáng chế, sáng kiến;

- Làm rõ khả năng ứng dụng sáng chế, sáng kiến phục vụ lợi ích xã hội trong sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công; phục vụ quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

**10. Thủ tục công bố công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới đến Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, đánh giá hồ sơ theo trình tự sau:

+ Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có). Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do;

 + Thực hiện việc đánh giá, thẩm định đối với hồ sơ hợp lệ thông qua hội đồng đánh giá. Hội đồng đánh giá có từ 07 đến 09 thành viên, gồm đại diện của các cơ quan quản lý và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan;

+ Công bố công nghệ mới, sản phẩm mới được tạo ra tại Việt Nam có giá, chất lượng tương đương với công nghệ, sản phẩm nhập khẩu và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử.

+ Trường hợp công nghệ mới, sản phẩm mới không được phê duyệt để công bố phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

-  Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới;

+ Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với công nghệ mới, sản phẩm mới hoặc văn bản cam kết trong trường hợp không có tài liệu chứng minh;

+ Tài liệu mô tả đặc tính, hiệu quả về kỹ thuật, chất lượng, so sánh với tính năng tương ứng của công nghệ, sản phẩm nhập khẩu tương đương hoặc đang được sử dụng tại nước khác;

+ Báo cáo kết quả ứng dụng công nghệ mới, sản phẩm mới được tạo ra tại Việt Nam có giá, chất lượng tương đương với công nghệ, sản phẩm nhập khẩu;

+ Các tài liệu sau (nếu có): Văn bản nhận xét của tổ chức, cá nhân về hiệu quả ứng dụng công nghệ mới, sản phẩm mới; giải thưởng; tài liệu về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và tài liệu liên quan khác.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc;

- Quyết định công bố công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam có giá, chất lượng tương đương với công nghệ, sản phẩm nhập khẩu: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân có đề nghị đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới.

***e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:*** Bộ Khoa học và Công nghệ.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

Quyết định công bố công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam có giá, chất lượng tương đương với công nghệ, sản phẩm nhập khẩu.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Chưa ban hành

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

- Tuân thủ các quy định pháp luật về quyền sở hữu; quyền sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn , đo lường, chất lượng; kết quả kiểm nghiệm, điều kiện lưu hành;

- Làm rõ giá của công nghệ mới, sản phẩm mới so với công nghệ, sản phẩm nhập khẩu;

- Làm rõ đặc tính, hiệu quả về kỹ thuật, chất lượng, so sánh với tính năng tương ứng của công nghệ, sản phẩm nhập khẩu tương đương hoặc đang được sử dụng tại nước khác;

- Làm rõ phạm vi, quy mô ứng dụng, chuyển giao; giá trị kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh trong điều kiện cụ thể của đất nước, địa phương.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

**11. Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ phục vụ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ đến Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ.

- Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ xem xét, thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn, Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ ra quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt, Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ trên Cổng thông tin điện tử của bộ, ngành.

***b. Cách thức thực hiện:***

Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

+ Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

+ Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có);

+ Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.

- Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của bộ, ngành quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai****: (Kèm theo)*

- Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Mẫu A1-ĐXNV.

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

Tổ chức được hỗ trợ bao gồm:

- Tổ chức cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ, đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ;

- Tổ chức cung cấp dịch vụ kết nối hỗ trợ bên khác trong giao dịch liên quan đến công nghệ, bao gồm: dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, thương mại hóa công nghệ; dịch vụ sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; tư vấn đầu tư, xúc tiến thương mại, hỗ trợ khởi nghiệp, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp; tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; liên minh hợp tác xã; hiệp hội ngành nghề.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- [Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH1](http://www.most.gov.vn/Desktop.aspx/Van-ban-KHCN/Quoc-hoi/27C258BAEF5440A98EFF326490982B5F/)3 ngày 18/6/2013;

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

- Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Mẫu A1-ĐXNV**

07/2014/TT-BKHCN

**PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:
2. Hình thức thực hiện (*Một trong các hình thức:* *đề tài khoa học và công nghệ hoặc dự án SXTN, đề án khoa học hoặc dự án KH&CN):*
3. Mục tiêu:
4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN (*Tầm quan trọng, tính thời sự hoặc cấp bách,...) :*
5. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:
6. Khả năng và địa chỉ áp dụng:
7. Dự kiến hiệu quả mang lại:
8. Dự kiến thời gian thực hiện (Số tháng, bắt đầu từ ..)
9. Thông tin khác (Chỉ áp dụng đối với dự án SXTN hoặc dự án KHCN):

9.1Xuất xứ hình thành:

*(Nếu là Dự án SXTN cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài KHCN; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả KH&CN từ nước ngoài.*

*Nếu là dự án KHCN cần nêu rõ: nguồn hình thành của Dự án KH&CN, tên Dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)*

9.2 Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: *(Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sx v.v...)*

 ..., ngày ... tháng... năm 20…

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT** *(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)* |
|  |

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.*

**12. Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ phục vụ hoạt động chuyển giao công nghệ đến Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ.

- Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ xem xét, thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn, Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ ra quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt, Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ trên Cổng thông tin điện tử của bộ, ngành.

***b. Cách thức thực hiện:***

Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

+ Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

+ Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ)

+ Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có);

+ Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.

- Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của bộ, ngành quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Doanh nghiệp có dự án chuyển giao công nghệ thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai****: (Kèm theo)*

- Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Mẫu A1-ĐXNV.

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

Doanh nghiệp xin hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có dự án đầu tư thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư

- Có Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ);

- Công nghệ được chuyển giao thuộc dự án thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư;

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- [Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH1](http://www.most.gov.vn/Desktop.aspx/Van-ban-KHCN/Quoc-hoi/27C258BAEF5440A98EFF326490982B5F/)3 ngày 18/6/2013;

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

- Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Mẫu A1-ĐXNV**

07/2014/TT-BKHCN

**PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:
2. Hình thức thực hiện (*Một trong các hình thức:* *đề tài khoa học và công nghệ hoặc dự án SXTN, đề án khoa học hoặc dự án KH&CN):*
3. Mục tiêu:
4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN (*Tầm quan trọng, tính thời sự hoặc cấp bách,...) :*
5. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:
6. Khả năng và địa chỉ áp dụng:
7. Dự kiến hiệu quả mang lại:
8. Dự kiến thời gian thực hiện (Số tháng, bắt đầu từ ..)
9. Thông tin khác (Chỉ áp dụng đối với dự án SXTN hoặc dự án KHCN):

9.1Xuất xứ hình thành:

*(Nếu là Dự án SXTN cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài KHCN; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả KH&CN từ nước ngoài.*

*Nếu là dự án KHCN cần nêu rõ: nguồn hình thành của Dự án KH&CN, tên Dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)*

9.2 Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: *(Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sx v.v...)*

 ..., ngày ... tháng... năm 20…

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT** *(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)* |
| Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.* |

 **13. Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ phục vụ phục vụ hoạt động giải mã công nghệ đến Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ.

- Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ xem xét, thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn, Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ ra quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt, Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ trên Cổng thông tin điện tử của bộ, ngành.

***b. Cách thức thực hiện:***

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

+ Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

+ Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có);

+ Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.

- Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của bộ, ngành quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:***

Tổ chức, cá nhân có thực hiện hoạt động giải mã công nghệ.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai****: (Kèm theo)*

- Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Mẫu A1-ĐXNV.

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

Tổ chức, cá nhân xin hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Công nghệ cần giải mã là công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch phục vụ mục tiêu chiến lược, quy hoạch kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của quốc gia, ngành, vùng, địa phương;

- Đối với hoạt động giải mã công nghệ phục vụ quốc phòng, an ninh, thực hiện theo các quy định pháp luật trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- [Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH1](http://www.most.gov.vn/Desktop.aspx/Van-ban-KHCN/Quoc-hoi/27C258BAEF5440A98EFF326490982B5F/)3 ngày 18/6/2013;

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

- Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Mẫu A1-ĐXNV**

07/2014/TT-BKHCN

**PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:
2. Hình thức thực hiện (*Một trong các hình thức:* *đề tài khoa học và công nghệ hoặc dự án SXTN, đề án khoa học hoặc dự án KH&CN):*
3. Mục tiêu:
4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN (*Tầm quan trọng, tính thời sự hoặc cấp bách,...) :*
5. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:
6. Khả năng và địa chỉ áp dụng:
7. Dự kiến hiệu quả mang lại:
8. Dự kiến thời gian thực hiện (Số tháng, bắt đầu từ ..)
9. Thông tin khác (Chỉ áp dụng đối với dự án SXTN hoặc dự án KHCN):

9.1Xuất xứ hình thành:

*(Nếu là Dự án SXTN cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài KHCN; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả KH&CN từ nước ngoài.*

*Nếu là dự án KHCN cần nêu rõ: nguồn hình thành của Dự án KH&CN, tên Dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)*

9.2 Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: *(Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sx v.v...)*

 ..., ngày ... tháng... năm 20…

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT** *(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)* |
| Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.* |

**14. Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

**a. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ đến Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ.

- Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ xem xét, thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn, Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ ra quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt, Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ trên Cổng thông tin điện tử của bộ, ngành.

**b. Cách thức thực hiện:**

Tổ chức khoa học và công nghệ nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ, ngành quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc gửi qua đường bưu điện.

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

+ Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

+ Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc văn bản cam kết trong trường hợp không có tài liệu chứng minh;

- Số lượng hồ sơ: 01 bản (01 bản giấy và 01 bản điện tử).

**d. Thời hạn giải quyết:**

- Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.

- Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của bộ, ngành quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Bộ, ngành được giao quản lý nhiệm vụ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**h. Phí, lệ phí:** Không có.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: (Kèm theo)

- Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Mẫu A1-ĐXNV.

- Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ: Mẫu PL3-PHNC.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Yêu cầu điều kiện đối với tổ chức khoa học và công nghệ đăng ký chủ trì nhiệm vụ:

+ Có quyền sở hữu hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

+ Có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- [Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH1](http://www.most.gov.vn/Desktop.aspx/Van-ban-KHCN/Quoc-hoi/27C258BAEF5440A98EFF326490982B5F/)3 ngày 18/6/2013;

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

- Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Thông tư số 33/2014/TT-BKHCN ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Mẫu A1-ĐXNV**

07/2014/TT-BKHCN

**PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:
2. Hình thức thực hiện (*Một trong các hình thức:* *đề tài khoa học và công nghệ hoặc dự án SXTN, đề án khoa học hoặc dự án KH&CN):*
3. Mục tiêu:
4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN (*Tầm quan trọng, tính thời sự hoặc cấp bách,...) :*
5. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:
6. Khả năng và địa chỉ áp dụng:
7. Dự kiến hiệu quả mang lại:
8. Dự kiến thời gian thực hiện (Số tháng, bắt đầu từ ..)
9. Thông tin khác (Chỉ áp dụng đối với dự án SXTN hoặc dự án KHCN):

9.1Xuất xứ hình thành:

*(Nếu là Dự án SXTN cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài KHCN; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả KH&CN từ nước ngoài.*

*Nếu là dự án KHCN cần nêu rõ: nguồn hình thành của Dự án KH&CN, tên Dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)*

9.2 Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: *(Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sx v.v...)*

 ..., ngày ... tháng... năm 20…

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT** *(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)* |
| Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.* |

**Mẫu PL3-PHNC**

33/2014/TT-BKHCN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP NGHIÊN CỨU**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Kính gửi: ***“\*\*\*”***

**1. Tên nhiệm vụ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp:**

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì**

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký chủ nhiệm. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện**

Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Địa chỉ . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Điện thoại . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**4. Nội dung công việc tham gia** trong nhiệm vụ (và kinh phí tương ứng) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản thuyết minh nhiệm vụ của hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

Khi hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam kết sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Quý (\*\*\*) hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của nhiệm vụ.

 *......................., ngày tháng năm 20.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM  *(Họ, tên và chữ ký)* |  | THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ  *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* |

|  |
| --- |
| THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN  *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* |

***(\*\*\*):*** Cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN các cấp thuộc Bộ

 **II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**1. Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được chuyển giao, ứng dụng.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được chuyển giao, ứng dụng xem xét, đánh giá hồ sơ:

+ Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có);

 + Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Hội đồng đánh giá có từ 07 đến 09 thành viên, gồm đại diện của các cơ quan quản lý và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan;

+ Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu.

+ Trường hợp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không được công nhận phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được chuyển giao, ứng dụng hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

-  Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân;

+ Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc văn bản cam kết trong trường hợp không có tài liệu chứng minh;

+ Tài liệu mô tả đặc tính, hiệu quả về kỹ thuật, kinh tế - xã hội, môi trường của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (bản vẽ, thiết kế, quy trình, sơ đồ, kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá, thử nghiệm);

+ Tài liệu thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn;

+ Các tài liệu sau (nếu có): Văn bản nhận xét của tổ chức, cá nhân về hiệu quả ứng dụng thực tiễn, giải thưởng, tài liệu về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, tài liệu khác.

 - Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

-Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc;

- Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân có đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

***e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:*** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

Quyết định công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Chưa ban hành.

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không có.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

**2. Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được ứng dụng.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được ứng dụng xem xét, đánh giá hồ sơ:

+ Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có);

 + Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá. Hội đồng đánh giá có từ 07 đến 09 thành viên, gồm đại diện của các cơ quan quản lý và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan;

+ Phê duyệt kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để xem xét hỗ trợ kinh phí, mua.

+ Trường hợp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không được phê duyệt phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được ứng dụng hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

-  Thành phần hồ sơ bao gồm:

(i) Đối với đề nghị hỗ trợ kinh phí, hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị kèm theo thuyết minh;

+ Văn bản công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ quan có thẩm quyền;

+ Tài liệu thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đưa vào ứng dụng, chuyển giao không quá 03 năm.

(ii) Đối với đề nghị mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị kèm theo thuyết minh;

+ Văn bản công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ quan có thẩm quyền;

+ Văn bản kiến nghị của cơ quan, tổ chức về sự cần thiết mua và phương án quản lý, khai thác, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc;

- Phê duyệt kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để xem xét hỗ trợ kinh phí, mua: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân có đề nghị hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

***e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:*** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

Quyết định phê duyệt kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để xem xét hỗ trợ kinh phí, mua.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Chưa ban hành

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

- Đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hỗ trợ kinh phí, phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

+ Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn trong thời gian không quá 3 năm kể từ thời điểm ứng dụng, chuyển giao;

+ Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao;

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ có phương án khả thi về thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét mua, phải đáp ứng điều kiện: Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn, được cơ quan có thẩm quyền công nhận và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương và quốc phòng, an ninh.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

**3. Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị mua sáng chế, sáng kiến đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi sáng chế, sáng kiến được ứng dụng hiệu quả ở quy mô nhỏ.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi sáng chế, sáng kiến được ứng dụng hiệu quả ở quy mô nhỏ xem xét, đánh giá hồ sơ theo trình tự sau:

+ Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có). Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do;

 + Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá. Hội đồng đánh giá có từ 07 đến 09 thành viên, gồm đại diện của các cơ quan quản lý và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan;

+ Phê duyệt sáng chế, sáng kiến để xem xét mua.

+ Trường hợp sáng chế, sáng kiến không được phê duyệt phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi sáng chế, sáng kiến được ứng dụng hiệu quả ở quy mô nhỏ hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

-  Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị Nhà nước mua sáng chế, sáng kiến;

+ Văn bằng bảo hộ sáng chế, giấy chứng nhận sáng kiến;

+ Tài liệu thể hiện hiệu quả áp dụng sáng chế, sáng kiến trong thực tiễn và khả năng mở rộng quy mô áp dụng;

+ Văn bản kiến nghị của cơ quan, tổ chức về sự cần thiết mua sáng chế, sáng kiến và phương án quản lý, khai thác, chuyển giao.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc;

- Phê duyệt sáng chế, sáng kiến để xem xét mua: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân có đề nghị mua sáng chế, sáng kiến.

***e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:*** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

Quyết định phê duyệt sáng chế, sáng kiến để xem xét mua.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Chưa ban hành

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

- Làm rõ hiệu lực, phạm vi bảo hộ, nội dung giải pháp của sáng chế được bảo hộ; nội dung sáng kiến được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

- Làm rõ hiệu quả ứng dụng thực tiễn của sáng chế, sáng kiến; nhu cầu của doanh nghiệp, công chúng; điều kiện, khả năng mở rộng quy mô áp dụng sáng chế, sáng kiến;

- Làm rõ khả năng ứng dụng sáng chế, sáng kiến phục vụ lợi ích xã hội trong sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công; phục vụ quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

**4. Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh phục vụ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn, Ủy ban nhân dân dấp tỉnh ra quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ trên Cổng thông tin điện tử của mình.

***b. Cách thức thực hiện:***

Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

+ Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

+ Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có);

+ Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.

- Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai****: (Kèm theo)*

- Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Mẫu A1-ĐXNV.

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

Tổ chức được hỗ trợ bao gồm:

- Tổ chức cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ, đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ;

- Tổ chức cung cấp dịch vụ kết nối hỗ trợ bên khác trong giao dịch liên quan đến công nghệ, bao gồm: dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, thương mại hóa công nghệ; dịch vụ sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; tư vấn đầu tư, xúc tiến thương mại, hỗ trợ khởi nghiệp, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp; tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; liên minh hợp tác xã; hiệp hội ngành nghề.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- [Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH1](http://www.most.gov.vn/Desktop.aspx/Van-ban-KHCN/Quoc-hoi/27C258BAEF5440A98EFF326490982B5F/)3 ngày 18/6/2013;

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

- Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Mẫu A1-ĐXNV**

07/2014/TT-BKHCN

**PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:
2. Hình thức thực hiện (*Một trong các hình thức:* *đề tài khoa học và công nghệ hoặc dự án SXTN, đề án khoa học hoặc dự án KH&CN):*
3. Mục tiêu:
4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN (*Tầm quan trọng, tính thời sự hoặc cấp bách,...) :*
5. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:
6. Khả năng và địa chỉ áp dụng:
7. Dự kiến hiệu quả mang lại:
8. Dự kiến thời gian thực hiện (Số tháng, bắt đầu từ ..)
9. Thông tin khác (Chỉ áp dụng đối với dự án SXTN hoặc dự án KHCN):

9.1Xuất xứ hình thành:

*(Nếu là Dự án SXTN cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài KHCN; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả KH&CN từ nước ngoài.*

*Nếu là dự án KHCN cần nêu rõ: nguồn hình thành của Dự án KH&CN, tên Dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)*

9.2 Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: *(Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sx v.v...)*

 ..., ngày ... tháng... năm 20…

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT** *(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)* |

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.*

**5. Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh phục vụ hoạt động chuyển giao công nghệ về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ trên Cổng thông tin điện tử của mình.

***b. Cách thức thực hiện:***

Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

+ Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

+ Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ)

+ Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có);

+ Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.

- Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:***

Doanh nghiệp có dự án chuyển giao công nghệ thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức KH&CN.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai****: (Kèm theo)*

- Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Mẫu A1-ĐXNV;

- Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ).

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

Doanh nghiệp xin hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có dự án đầu tư thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư

- Có Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ)

- Công nghệ được chuyển giao thuộc dự án thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư;

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- [Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH1](http://www.most.gov.vn/Desktop.aspx/Van-ban-KHCN/Quoc-hoi/27C258BAEF5440A98EFF326490982B5F/)3 ngày 18/6/2013;

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

- Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Mẫu A1-ĐXNV**

07/2014/TT-BKHCN

**PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:
2. Hình thức thực hiện (*Một trong các hình thức:* *đề tài khoa học và công nghệ hoặc dự án SXTN, đề án khoa học hoặc dự án KH&CN):*
3. Mục tiêu:
4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN (*Tầm quan trọng, tính thời sự hoặc cấp bách,...) :*
5. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:
6. Khả năng và địa chỉ áp dụng:
7. Dự kiến hiệu quả mang lại:
8. Dự kiến thời gian thực hiện (Số tháng, bắt đầu từ ..)
9. Thông tin khác (Chỉ áp dụng đối với dự án SXTN hoặc dự án KHCN):

9.1Xuất xứ hình thành:

*(Nếu là Dự án SXTN cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài KHCN; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả KH&CN từ nước ngoài.*

*Nếu là dự án KHCN cần nêu rõ: nguồn hình thành của Dự án KH&CN, tên Dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)*

9.2 Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: *(Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sx v.v...)*

 ..., ngày ... tháng... năm 20…

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT** *(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)* |
| Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.* |

**6. Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ**

***a. Trình tự thực hiện:***

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh phục vụ hoạt động giải mã công nghệ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ trên Cổng thông tin điện tử của mình.

***b. Cách thức thực hiện:***

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

+ Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

+ Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có);

+ Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.

- Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:***

Tổ chức, các nhân có thực hiện hoạt động giải mã công nghệ.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai****: (Kèm theo)*

- Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Mẫu A1-ĐXNV.

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

Tổ chức, cá nhân xin hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Công nghệ cần giải mã là công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch phục vụ mục tiêu chiến lược, quy hoạch kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của quốc gia, ngành, vùng, địa phương;

- Đối với hoạt động giải mã công nghệ phục vụ quốc phòng, an ninh, thực hiện theo các quy định pháp luật trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- [Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH1](http://www.most.gov.vn/Desktop.aspx/Van-ban-KHCN/Quoc-hoi/27C258BAEF5440A98EFF326490982B5F/)3 ngày 18/6/2013;

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

- Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Mẫu A1-ĐXNV**

07/2014/TT-BKHCN

**PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:
2. Hình thức thực hiện (*Một trong các hình thức:* *đề tài khoa học và công nghệ hoặc dự án SXTN, đề án khoa học hoặc dự án KH&CN):*
3. Mục tiêu:
4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN (*Tầm quan trọng, tính thời sự hoặc cấp bách,...) :*
5. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:
6. Khả năng và địa chỉ áp dụng:
7. Dự kiến hiệu quả mang lại:
8. Dự kiến thời gian thực hiện (Số tháng, bắt đầu từ ..)
9. Thông tin khác (Chỉ áp dụng đối với dự án SXTN hoặc dự án KHCN):

9.1Xuất xứ hình thành:

*(Nếu là Dự án SXTN cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài KHCN; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả KH&CN từ nước ngoài.*

*Nếu là dự án KHCN cần nêu rõ: nguồn hình thành của Dự án KH&CN, tên Dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)*

9.2 Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: *(Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sx v.v...)*

 ..., ngày ... tháng... năm 20…

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT** *(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)* |
| Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.* |

 **7. Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

**a. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ trên Cổng thông tin điện tử của mình.

**b. Cách thức thực hiện:**

Tổ chức khoa học và công nghệ nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

+ Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

+ Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc văn bản cam kết trong trường hợp không có tài liệu chứng minh;

+ Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc văn bản cam kết trong trường hợp không có tài liệu chứng minh (Tài liệu là một trong các biểu mẫu: Mẫu 4 (Thông tư 15/2014/TT-BKHCN); Mẫu 11 (Thông tư 11/2014/TT-BKHCN); Phụ lục 6 – GXNKQKHCN (Thông tư 02/2015/TT-BKHCN).

- Số lượng hồ sơ: 01 bản (01 bản giấy và 01 bản điện tử).

**d. Thời hạn giải quyết:**

- Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.

- Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.

**h. Phí, lệ phí:** Không.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: (Kèm theo)

- Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Mẫu A1-ĐXNV (Thông tư 07/2014/TT-BKHCN).

- Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ: Mẫu PL3-PHNC.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Yêu cầu điều kiện đối với tổ chức khoa học và công nghệ đăng ký chủ trì nhiệm vụ:

+ Có quyền sở hữu hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

+ Có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- [Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH1](http://www.most.gov.vn/Desktop.aspx/Van-ban-KHCN/Quoc-hoi/27C258BAEF5440A98EFF326490982B5F/)3 ngày 18/6/2013;

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

- Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Thông tư số 33/2014/TT-BKHCN ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Mẫu A1-ĐXNV**

07/2014/TT-BKHCN

**PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:
2. Hình thức thực hiện (*Một trong các hình thức:* *đề tài khoa học và công nghệ hoặc dự án SXTN, đề án khoa học hoặc dự án KH&CN):*
3. Mục tiêu:
4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN (*Tầm quan trọng, tính thời sự hoặc cấp bách,...) :*
5. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:
6. Khả năng và địa chỉ áp dụng:
7. Dự kiến hiệu quả mang lại:
8. Dự kiến thời gian thực hiện (Số tháng, bắt đầu từ ..)
9. Thông tin khác (Chỉ áp dụng đối với dự án SXTN hoặc dự án KHCN):

9.1Xuất xứ hình thành:

*(Nếu là Dự án SXTN cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài KHCN; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả KH&CN từ nước ngoài.*

*Nếu là dự án KHCN cần nêu rõ: nguồn hình thành của Dự án KH&CN, tên Dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)*

9.2 Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: *(Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sx v.v...)*

 ..., ngày ... tháng... năm 20…

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT** *(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)* |
| Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.* |

**Mẫu PL3-PHNC**

33/2014/TT-BKHCN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP NGHIÊN CỨU**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Kính gửi: ***“\*\*\*”***

**1. Tên nhiệm vụ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp:**

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì**

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký chủ nhiệm. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện**

Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Địa chỉ . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Điện thoại . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**4. Nội dung công việc tham gia** trong nhiệm vụ (và kinh phí tương ứng) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản thuyết minh nhiệm vụ của hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

Khi hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam kết sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Quý (\*\*\*) hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của nhiệm vụ.

 *......................., ngày tháng năm 20.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM  *(Họ, tên và chữ ký)* |  | THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ  *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* |

|  |
| --- |
| THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN  *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* |

***(\*\*\*):*** Cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN các cấp thuộc Bộ

 **PHẦN III. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**I. Thủ tục hành chính cấp Trung ương**

**1. Thủ tục chấp thuận chuyển giao công nghệ[[30]](#footnote-30)**

***a. Trình tự thực hiện[[31]](#footnote-31):***

**-** Trường hợp chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao,tổ chức, cá nhân (bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước hoặc bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ đến Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ) xem xét hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng các yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản chấp thuận chuyển giao công nghệ.

+ Trường hợp từ chối chấp thuận chuyển giao công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ[[32]](#footnote-32):***

-  Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ;

+ Văn bản về tư cách pháp lý của bên đề nghị: Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...); bản sao văn bản xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện bên đề nghị; bản sao chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) đối với cá nhân tham gia chuyển giao công nghệ hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức;

+ Tài liệu giải trình về công nghệ;

+ Tài liệu giải trình về điều kiện sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật;

+ Tài liệu giải trình về việc phù hợp với quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

+ Giấy uỷ quyền (trong trường hợp uỷ quyền cho bên thứ ba thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết:*** 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân tiếp nhận hoặc chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Văn bản chấp thuận chuyển giao công nghệ.

***h. Phí, lệ phí:*** Mức thu phí thẩm định đối với xem xét, chấp thuận chuyển giao công nghệ là 10 (mười) triệu đồng.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai[[33]](#footnote-33):***

- [Văn bản đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ](http://www.most.gov.vn/most/15Mau1_don_de_nghi.doc/mlfile_view)*.*

-[Tài liệu giải trình công nghệ](http://www.most.gov.vn/most/hdquanlyKHCN/CaccachHC/15Mau2_tai_lieu_giai_trinh_cong_nghe.doc/mlfile_view)*.*

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính[[34]](#footnote-34):*** Không có.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ;

- Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.

**Mẫu**

**Văn bản đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ**

*(Ban hành theo Thông tư số 02/2008/TT-BKHCN ngày 15/5/2018*

*của Bộ Khoa học và Công nghệ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **...............................(1)**Số: ...../...... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm* |

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**

**CHẤP THUẬN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Tên tổ chức, cá nhân:.................................................................(1)

Địa chỉ:................ Số điện thoại: .............. Email: ..................... (2)

Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, chấp thuận chuyển giao công nghệ ...........­(3) với nội dung chuyển giao như sau:

**I. Các Bên tham gia chuyển giao công nghệ**

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)(4):................................................................

- Địa chỉ:.........................................................................................

- Điện thoại (tel):.................................... Email: ...............

 Fax:..................................................... Website: .............

- Người đại diện:.................................... Chức danh:..........

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:..........................................

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)(4):.................................................................

- Địa chỉ:.........................................................................................

- Điện thoại (tel):.................................... Email: ...............

 Fax:..................................................... Website: .............

- Người đại diện:.................................... Chức danh:..........

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:..........................................

**II. Nội dung chuyển giao công nghệ**

1. Công nghệ chuyển giao

- Tên công nghệ:..............................Lĩnh vực:......................(3)

- Thời hạn chuyển giao công nghệ:........................................

1. Đối tượng công nghệ chuyển giao

|  |  |
| --- | --- |
| Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ | □ |
| Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu | □ |
| Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ | □ |
| Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chuyển giao | □ |
| Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ:- Tên đối tượng sở hữu trí tuệ: ...+ Văn bằng bảo hộ hoặc Số đơn đăng ký (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)+ Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chuyển quyền sử dụng): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)  | □□ |

1. Dự kiến sản phẩm công nghệ tạo ra:

- Tên, ký hiệu sản phẩm;

- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, QCVN, tiêu chuẩn quốc tế,...).

**III. Các văn bản, tài liệu kèm theo.**

|  |  |
| --- | --- |
| Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...) của Bên đề nghị | □ |
| Bản sao văn bản xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện bên đề nghị | □ |
| Bản sao chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) đối với cá nhân tham gia chuyển giao công nghệ hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức | □ |
| Tài liệu giải trình về công nghệ (5) | □ |
| Tài liệu giải trình về điều kiện sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật (6) | □ |
| Tài liệu về việc phù hợp với quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (7) | □ |
| Bản gốc Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ) | □ |

.............(1) thay mặt các Bên tham gia chuyển giao công nghệ .......(3) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung được nêu trên đây và tài liệu kèm theo. Nếu được chấp thuận, các bên tham gia chuyển giao công nghệ cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN(1)**(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)(8) |

**Ghi chú:**

* (1): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên có nhu cầu tiếp nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ.
* (2): Địa chỉ, thông tin liên lạc của (1).
* (3): Công nghệ đề nghị chấp thuận; Lĩnh vực công nghệ theo chức năng quản lý của các Bộ, ngành.
* (4): Trường hợp là cá nhân phải cung cấp thông tin cá nhân gồm: Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) số .................... Ngày cấp:................ Nơi cấp:..................
* (5): Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.
* (6): Tài liệu giải trình việc đáp ứng điều kiện sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật có liên quan.
* (7): Giải trình rõ các nội dung quy định của pháp luật về tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành, tiêu chuẩn về tiêu hao năng lượng, khí thải, nước thải, các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường,...
* (8): Trường hợp là cá nhân chỉ cần ký, ghi rõ họ tên.
* Đối với ô trống □, nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu “🗸” vào trong ô trống*.*

**Mẫu**

**Tài liệu giải trình công nghệ**

*(Ban hành theo Thông tư số 02/2008/TT-BKHCN ngày 15/5/2018*

*của Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**TÀI LIỆU GIẢI TRÌNH VỀ CÔNG NGHỆ**

*(kèm theo Văn bản đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ)*

**1. Sự cần thiết phải chuyển giao công nghệ**

a) Phân tích, đánh giá, so sánh về các công nghệ cùng loại hiện đang áp dụng trong nước, trên thế giới, khu vực đối với công nghệ đề nghị chấp thuận.

b) Nhu cầu chuyển giao công nghệ.

**2. Thuyết minh về công nghệ**

Thuyết minh về công nghệ thể hiện các nội dung sau:

a) Tên công nghệ;

b) Nguồn gốc xuất xứ công nghệ;

c) Sản phẩm do công nghệ tạo ra;

d) Thị trường tiêu thụ sản phẩm (xuất khẩu, tiêu thụ nội địa);

đ) Công nghệ đã được kiểm chứng, ứng dụng vào thực tế (tại những quốc gia nào) hoặc chưa được áp dụng;

e) Nội dung công nghệ chuyển giao:

- Đối tượng công nghệ chuyển giao;

- Phạm vi quyền chuyển giao công nghệ.

g) Sơ đồ, quy trình và thông số kỹ thuật chính của công nghệ;

h) Máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đi kèm (dự kiến danh mục, tình trạng, thông số kỹ thuật của máy móc, thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ);

i) Các yêu cầu về nhân lực đối với Bên có nhu cầu tiếp nhận công nghệ;

k) Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu đối với công nghệ chuyển giao;

l) Các cơ sở hạ tầng cần thiết trong trường hợp tiếp nhận công nghệ.

**3. Dự kiến kết quả chuyển giao công nghệ đạt được**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)(1) |

**Ghi chú:**

- (1): Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu và giáp lai các trang của Tài liệu giải trình; trường hợp là cá nhân phải ký tắt vào từng trang của Tài liệu giải trình công nghệ).

**2. Thủ tục cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ[[35]](#footnote-35)**

***a. Trình tự thực hiện[[36]](#footnote-36):***

- Sau khi có văn bản chấp thuận chuyển giao công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ, tổ chức, cá nhân (bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước hoặc bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ đến Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định Công nghệ) tổ chức thẩm định hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng các yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.

+ Trường hợp từ chối cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc gửi qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ[[37]](#footnote-37):***

*-* Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, trong đó ghi rõ cam kết trách nhiệm của các bên bảo đảm nội dung hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;

+ Văn bản về tư cách pháp lý của các bên tham gia hợp đồng: Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ; bản sao văn bản xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia hợp đồng hoặc văn bản xác nhận quyền ký kết hợp đồng của người ký hợp đồng (đối với tổ chức); bản sao chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) (đối với cá nhân);

+ Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng ....... (nước ngoài);

+ Danh mục tài liệu công nghệ, máy móc, thiết bị (nếu có) kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ;

+ Bản sao có chứng thực văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu có);

+ Tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, dịch vụ do ứng dụng công nghệ chuyển giao;

+ Giải trình về điều kiện sử dụng công nghệ;

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản thẩm định giá công nghệ được chuyển giao trong trường hợp có sử dụng vốn nhà nước;

+ Bản gốc giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết[[38]](#footnote-38):*** 15ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

 ***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân tiếp nhận hoặc chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định Công nghệ.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính[[39]](#footnote-39):*** Giấy phép chuyển giao công nghệ.

***h. Phí, lệ phí:*** Mức thu phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ để cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.

***i. Tên mẫu đơn, tờ khai[[40]](#footnote-40):*** [Văn bản đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ](http://www.most.gov.vn:8065/most/16Mau1_don_de_nghi.doc/mlfile_view).

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính[[41]](#footnote-41):***

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ cần ghi rõ cam kết trách nhiệm của các bên bảo đảm nội dung hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

- Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ, bên nhận công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước) hoặc bên giao công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) thay mặt các bên phải gửi hồ sơ đến Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung, các bên sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu hoặc có văn bản đề nghị gia hạn thời gian việc sửa đổi, bổ sung. Thời gian gia hạn không quá 60 ngày, hết thời hạn này, nếu các bên không sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu thì Bộ Khoa học và Công nghệ ra thông báo từ chối cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ;

- Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.

**Mẫu**

**Văn bản đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ**

*(Ban hành theo Thông tư số 02/2008/TT-BKHCN ngày 15/5/2018*

*của Bộ Khoa học và Công nghệ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **...............................(1)**Số: ...../...... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm* |

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Tên tổ chức, cá nhân:..................................................................(1)

Địa chỉ:................ Số điện thoại: .............. Email: ..................... (2)

Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, cấp phép chuyển giao công nghệ ...........­(3) với nội dung chuyển giao như sau:

1. **Các bên tham gia hợp đồng chuyển giao công nghệ:**

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)(4):................................................................

- Địa chỉ:.........................................................................................

- Điện thoại (tel):.................................... Email:...............

 Fax:..................................................... Website: .............

- Người đại diện:.................................... Chức danh:..........

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:..........................................

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân):.................................................................

- Địa chỉ:.........................................................................................

- Điện thoại (tel):.................................... Email: ...............

 Fax:....................................................... Website: ..................

- Người đại diện:.................................... Chức danh:..............

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:...........................................

1. **Nội dung chuyển giao công nghệ:**

1. Công nghệ chuyển giao

- Tên công nghệ:..............................Lĩnh vực:......................(3)

- Thời gian thực hiện chuyển giao công nghệ:...................................

2. Đối tượng công nghệ chuyển giao

|  |  |
| --- | --- |
| Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ | □ |
| Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu | □ |
| Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ | □ |
| Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chuyển giao | □ |
| Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ:- Tên đối tượng sở hữu trí tuệ: ...+ Văn bằng bảo hộ hoặc Số đơn đăng ký (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)+ Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chuyển quyền sử dụng): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn) | □□ |

3. Hình thức chuyển giao công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| Chuyển giao công nghệ độc lập | □ |
| Phần chuyển giao công nghệ trong các trường hợp | Dự án đầu tư | □ |
| Góp vốn bằng công nghệ | Vào dự án đầu tư | □ |
| Hình thức khác(ghi tên hình thức khác nếu có) | □ |
| Nhượng quyền thương mại | □ |
| Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ | □ |
| Mua bán máy móc, thiết bị đi kèm  đối tượng công nghệ chuyển giao | Theo hợp đồng mua bán độc lập | □ |
| Theo dự án đầu tư | □ |
| Hình thức khác (nếu có)(5) | □ |

4. Phương thức chuyển giao công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| Chuyển giao tài liệu về công nghệ | □ |
| Đào tạo | □ |
| Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật | □ |
| Chuyển giao máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ và theo các phương thức: Chuyển giao tài liệu về công nghệ; đào tạo; cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật | □ |
| Phương thức chuyển giao khác (nếu có)(6) | □ |

5. Quyền chuyển giao công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ | □ |
| Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ | Được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác  | □ |
| Không được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác | □ |
| Độc quyền sử dụng công nghệ | □ |
| Không độc quyền sử dụng công nghệ | □ |

6. Giá, phương thức thanh toán

6.1. Giá chuyển giao công nghệ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Giá** |
| 1 | Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ(7) |  |
| 2 | Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ |  |
| 3 | Đào tạo |  |
| 3.1 | Đào tạo nước ngoài |  |
| 3.2 | Đào tạo trong nước |  |
| 4 | Hỗ trợ kỹ thuật |  |
| 5 | Máy móc, thiết bị |  |
| Tổng: |  |

6.2. Phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| Trả một lần bằng tiền hoặc hàng hóa | □ |
| Trả nhiều lần bằng tiền hoặc hàng hóa (số lần ......................) | □ |
| Trả theo phần trăm (%) giá bán tịnh | □ |
| Trả theo phần trăm (%) doanh thu thuần | □ |
| Trả theo phần trăm (%) lợi nhuận  | Trước thuế của bên nhận | □ |
| Sau thuế của bên nhận | □ |
| Phương thức thanh toán khác(8)  | □ |

7. Sản phẩm do công nghệ tạo ra, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm:

- Tên, ký hiệu sản phẩm;

- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, QCVN, tiêu chuẩn quốc tế,...);

- Sản lượng(9);

- Tỷ lệ xuất khẩu (nếu xác định được)(10).

**IV. Các văn bản, tài liệu kèm theo:**

|  |  |
| --- | --- |
| Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt(11) | □ |
| Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng ...................... (nước ngoài)(11) | □ |
| Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ | □ |
| Bản sao văn bản xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia hợp đồng hoặc văn bản xác nhận quyền ký kết hợp đồng của người ký hợp đồng (đối với tổ chức); Bản sao chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu còn thời hạn theo quy định (đối với cá nhân) | □ |
| Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản thẩm định giá công nghệ được chuyển giao trong trường hợp có sử dụng vốn nhà nước(12) | □ |
| Bản sao văn bằng bảo hộ hoặc đơn đăng ký (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ) các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu có) | □ |
| Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hơp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (nếu có) | □ |
| Danh mục tài liệu công nghệ, máy móc, thiết bị (nếu có) kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ | □ |
| Giải trình về điều kiện sử dụng công nghệ(13) | □ |
| Bản gốc giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ) | □ |

.............(1) thay mặt các Bên tham gia chuyển giao công nghệ .......(3) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung được nêu trên đây và tài liệu kèm theo; cam kết các nội dung hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. Nếu được cấp phép, các bên tham gia chuyển giao công nghệ cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN(1)**(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)(14) |

**Ghi chú:**

* (1): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.
* (2): Địa chỉ, thông tin liên lạc của (1).
* (3): Công nghệ đề nghị cấp phép; Lĩnh vực công nghệ theo chức năng quản lý của các Bộ, ngành.
* (4): Trường hợp là cá nhân, phải cung cấp thông tin cá nhân gồm: Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) số .................... Ngày cấp:................ Nơi cấp:..................
* (5): Ghi rõ tên hình thức, cơ sở thực hiện hình thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.
* (6): Ghi rõ tên phương thức, cơ sở thực hiện phương thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.
* (7): Ghi cụ thể giá của từng nội dung chuyển giao công nghệ.
* (8): Ghi rõ tên phương thức, cơ sở thực hiện phương thức thanh toán theo quy định nào của pháp luật.
* (9): Tổng số lượng sản phẩm (đơn vị) dự kiến do công nghệ được chuyển giao sản xuất ra.
* (10): Tính theo số lượng hoặc giá trị trong một năm.
* (11): Nộp một trong hai trường hợp, bản dịch công chứng tiếng Việt hoặc bản gốc/bản sao chứng thực hợp đồng bằng tiếng Việt.
* (12): Trường hợp công nghệ được tạo ra bằng vốn nhà nước hoặc sử dụng vốn nhà nước để mua công nghệ.
* (13): Tài liệu giải trình việc đáp ứng điều kiện sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật có liên quan.
* (14): Trường hợp là cá nhân chỉ cần ký, ghi rõ họ tên.
* Đối với ô trống □, nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu “🗸” vào trong ô trống*.*

**Mẫu**

**Giấy phép chuyển giao công nghệ**

*(Ban hành theo Thông tư số 02/2008/TT-BKHCN ngày 15/5/2018*

*của Bộ Khoa học và Công nghệ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**Số: ........./GP-BKHCN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 20......* |

**GIẤY PHÉP**

**CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

- Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

- Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định về chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ của ......(1) ngày .... tháng .... năm .....;

- Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ,

**CẤP PHÉP CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

1. ......(2) chuyển giao công nghệ cho ...... (3) theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ số ....... ngày ..../...../.... gồm những nội dung sau:

a) Tên công nghệ;

b) Đối tượng công nghệ được chuyển giao;

c) Phương thức chuyển giao công nghệ;

d) Hình thức chuyển giao công nghệ;

đ) Sản phẩm do công nghệ tạo ra;

e) Thời hạn của hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2. Trách nhiệm của Bên giao công nghệ:

a) Trách nhiệm trong chuyển giao công nghệ (gồm đối tượng công nghệ, phương thức chuyển giao) để Bên nhận công nghệ sản xuất được các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng như đã xác định trong Hợp đồng;

b) Trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài chính;

c) Trách nhiệm về bảo hành công nghệ được chuyển giao;

d) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Trách nhiệm của Bên nhận công nghệ:

a) Trách nhiệm trong việc tổ chức tiếp thu và làm chủ công nghệ được chuyển giao trong thời hạn của Hợp đồng;

b) Trách nhiệm trong việc thanh toán giá trị Hợp đồng cho Bên giao;

c) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Trách nhiệm trong việc báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ theo quy định

5. Trách nhiệm của Bên giao và Bên nhận khi kết thúc Hợp đồng

6. Giấy phép này có giá trị đến ngày.... tháng ..... năm ....

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:**** Bên giao công nghệ;
* Bên nhận công nghệ;
* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;(4)
* Cơ quan quản lý thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;(5)
* Lưu: VT, ĐTG,...
 | **BỘ TRƯỞNG***(ký tên, đóng dấu)* |

**Ghi chú:**

* (1): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.
* (2): Bên giao công nghệ.
* (3): Bên nhận công nghệ.
* (4): Nơi ứng dụng công nghệ được chuyển giao.
* (5): Nơi Bên nhận công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ trong nước, chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam) hoặc Bên giao công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) đặt trụ sở chính (đối với tổ chức) hoặc nơi đăng ký mã số thuế cá nhân (đối với cá nhân).

**3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ[[42]](#footnote-42)**

***a. Trình tự thực hiện[[43]](#footnote-43):***

- Tổ chức, cá nhân (bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước hoặc bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) thay mặt các bên gửi hồ sơ đăng ký chuyển giao công nghệ đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ trong các trường hợp sau:

+ Đối với chuyển giao công nghệ thông qua thực hiện dự án đầu tư: Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ đối với chuyển giao công nghệ của dự án đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan trung ương theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công và dự án đầu tư ra nước ngoài.

+ Đối với chuyển giao công nghệ độc lập và hình thức khác theo quy định của pháp luật: Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ đối với chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài.

+ Đối với chuyển giao công nghệ thuộc trường hợp bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng hoặc chuyển giao công nghệ thuộc trường hợp mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách đặc biệt cho quốc phòng, Bộ Quốc phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

- Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ Quốc phòng xem xét hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ Quốc phòng có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định;

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ Quốc phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

+ Trường hợp hồ sơ có nội dung cần phải sửa đổi, bổ sung, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ Quốc phòng có văn bản đề nghị bên đăng ký chuyển giao công nghệ sửa đổi, bổ sung;

+ Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ Quốc phòng có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng hoặc qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ[[44]](#footnote-44):***

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị đăng ký chuyển giao công nghệ;

+ Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực văn bản giao kết chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với văn bản giao kết chuyển giao công nghệ bằng tiếng nước ngoài;

+ Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ;

+ Giấy xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia hợp đồng;

+ Bản sao chứng thực Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước;

+ Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết[[45]](#footnote-45):*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính[[46]](#footnote-46):***Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp phải đăng ký chuyển giao công nghệ.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Đối với chuyển giao công nghệ thông qua thực hiện dự án đầu tư: Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ đối với chuyển giao công nghệ của dự án đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan trung ương theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công và dự án đầu tư ra nước ngoài.

- Đối với chuyển giao công nghệ độc lập và hình thức khác theo quy định của pháp luật: Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ đối với chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài.

- Đối với chuyển giao công nghệ thuộc trường hợp bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng hoặc chuyển giao công nghệ thuộc trường hợp mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách đặc biệt cho quốc phòng, Bộ Quốc phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính[[47]](#footnote-47):*** Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

***h. Phí, lệ phí:*** Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai[[48]](#footnote-48):*** [Văn bản đề nghị đăng ký chuyển giao công nghệ](http://www.most.gov.vn/most/hdquanlyKHCN/CaccachHC/17Mau1_don_de_nghi.doc/mlfile_view).

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính[[49]](#footnote-49):***

**-**Trong trường hợp phải đăng ký chuyển giao công nghệ theo quy định, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký văn bản giao kết chuyển giao công nghệ, bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước hoặc bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài thay mặt các bên phải gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

- Văn bản đề nghị đăng ký chuyển giao công nghệ cần ghi rõ cam kết trách nhiệm của các bên bảo đảm nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

- Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.

**Mẫu**

**Văn bản đề nghị đăng ký chuyển giao công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Tỉnh (thành phố), ngày    tháng    năm*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Bộ Khoa học và Công nghệ |

**I. CÁC BÊN THAM GIA CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân):

- Địa chỉ:

- Điện thoại (tel):                                                      Email:

Fax:                                                                                Website:

- Người đại diện:                                                             Chức danh:

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân):

- Địa chỉ:

- Điện thoại (tel):                                                             Email:

Fax:                                                                                Website:

- Người đại diện:                                                              Chức danh:

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

**II. NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

1. Công nghệ chuyển giao

- Tên công nghệ:

- Lĩnh vực công nghệ chuyển giao:

- Thời hạn văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ:

2. Đối tượng công nghệ chuyển giao

|  |  |
| --- | --- |
| Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ | □ |
| Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu | □ |
| Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ | □ |
| Máy móc, thiết bị đi kèm các đối tượng nêu trên | □ |
| Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp- Số văn bằng bảo hộ hoặc số đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ):... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)- Số giấy chứng nhận chuyển giao quyền sở hữu/quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:... (số, ngày cấp, ngày gia hạn) | Sáng chế | □ |
| Giải pháp hữu ích | □ |
| Kiểu dáng công nghiệp | □ |

3. Hình thức chuyển giao công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| Chuyển giao công nghệ độc lập | □ |
| Dự án đầu tư | □ |
| Góp vốn bằng công nghệ | Vào dự án đầu tư | □ |
| Hình thức khác*(ghi tên hình thức khác nếu có)* | □ |
| Nhượng quyền thương mại | □ |
| Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ | □ |
| Mua bán máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ chuyển giao | Theo hợp đồng mua bán độc lập | □ |
| Theo dự án đầu tư | □ |
| Hình thức khác *(ghi tên hình thức khác nếu có)* | □ |

4. Phương thức chuyển giao công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| Chuyển giao tài liệu về công nghệ | □ |
| Đào tạo | □ |
| Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật | □ |
| Chuyển giao máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ và theo các phương thức: Chuyển giao tài liệu về công nghệ; đào tạo; cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật. | □ |
| Phương thức chuyển giao khác *(ghi tên phương thức khác nếu có)* | □ |

5. Phạm vi quyền chuyển giao công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ | □ |
| Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ | Được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác | □ |
| Không được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ | □ |
| Chuyển giao độc quyền sử dụng công nghệ | □ |
| Chuyển giao không độc quyền sử dụng công nghệ | □ |

6. Giá trị chuyển giao công nghệ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Giá trị** |
| 1 | Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ |   |
| 2 | Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp | Sáng chế |   |
| Giải pháp hữu ích |   |
| Kiểu dáng công nghiệp |   |
| 3 | Đào tạo |   |
| 3.1 | Đào tạo nước ngoài |   |
| 3.2 | Đào tạo trong nước |   |
| 4 | Hỗ trợ kỹ thuật |   |
| 5 | Máy móc, thiết bị |   |
| Tổng: |   |

7. Phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| Trả một lần bằng tiền hoặc hàng hóa | □ |
| Trả nhiều lần bằng tiền hoặc hàng hóa *(số lần………)* | □ |
| Trả theo phần trăm (%) giá bán tịnh | □ |
| Trả theo phần trăm (%) doanh thu thuần | □ |
| Trả theo phần trăm (%) lợi nhuận | Trước thuế của bên nhận | □ |
| Sau thuế của bên nhận | □ |
| Phương thức thanh toán khác *(nêu tên phương thức)* | □ |

8. Sản phẩm công nghệ tạo ra:

- Tên, ký hiệu sản phẩm:

- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, tiêu chuẩn cơ sở, quốc tế,...):

- Sản lượng:

- Tỷ lệ xuất khẩu (nếu xác định được):

9. Vai trò của công nghệ với ứng phó biến đổi khí hậu *(với công nghệ chuyển giao phục vụ cho các chương trình, dự án có mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu)*

|  |  |
| --- | --- |
| Công nghệ hỗ trợ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính | □ |
| Công nghệ hỗ trợ thích ứng với biến đổi khí hậu | □ |

**III. CÁC VĂN BẢN KÈM THEO ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

|  |  |
| --- | --- |
| Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt | □ |
| Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng………… (nước ngoài) | □ |
| Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ | □ |
| Giấy xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia hợp đồng | □ |
| Bản sao chứng thực Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước | □ |
| Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký chuyển giao công nghệ) | □ |

Chúng tôi xin cam kết các thông tin được nêu trên đây là đúng sự thực và nội dung hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật, nếu sai chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|   | **TM. CÁC BÊNBÊN NHẬN**(trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc chuyển giao công nghệ trong nước)**hoặcBÊN GIAO**(trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) |

***Lưu ý:*** *Đối với ô trống □, nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu “ √” vào trong ô trống.*

**Mẫu**

**Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**



**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

**QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN**

Bên giao và bên nhận công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Không được sửa chữa, tẩy xoá nội dung trong Giấy chứng nhận.

3. Không được cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận.

4. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận theo đúng quy định.

5. Thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận khi bị mất hoặc rách, nát.

**TÊN CƠ QUAN CHỨNG NHẬN**

**ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

**CHỨNG NHẬN**

**ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

**Số: … /GCN-… cấp ngày … tháng … năm …**

**1. Bên giao công nghệ:**

Tên:

Trụ sở chính:

Số điện thoại: fax: Email:

Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh,...) số .... ngày ... tháng ... năm ... do ....(tên cơ quan) cấp.

Mã số doanh nghiệp/thuế:

**2. Bên nhận công nghệ:**

Tên:

Trụ sở chính:

Số điện thoại: fax: Email:

Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh,...) số .... ngày ... tháng ... năm ... do ....(tên cơ quan) cấp.

Mã số doanh nghiệp/thuế:

**Đăng ký chuyển giao công nghệ:**

1. Tên văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ *(tên, số, ngày ký)*:

2. Tên công nghệ chuyển giao:

3. Hình thức chuyển giao công nghệ *(dự án đầu tư/mua bán độc lập/hình thức khác)*:

4. Đối tượng công nghệ chuyển giao:

5. Thời hạn văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ:

6. Tên sản phẩm *(do công nghệ chuyển giao tạo ra)*:

 **Số đăng ký: ..../ĐK-..... Quyển số: ..... ngày ... tháng ... năm ...**

|  |
| --- |
| **Tên cơ quan chứng nhận****đăng ký chuyển giao công nghệ***(Chữ ký, chức vụ, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**4. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ[[50]](#footnote-50)**

***a. Trình tự thực hiện[[51]](#footnote-51):***

- Tổ chức, cá nhân (bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước hoặc bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) thay mặt các bên gửi hồ sơ đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ Quốc phòng).

- Cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ xem xét hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định;

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

+ Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ hoặc qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ[[52]](#footnote-52):***

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ;

+ Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng nước ngoài;

+ Trong trường hợp trước ngày 01/7/2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ: Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt được gia hạn, sửa đổi, bổ sung hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng nước ngoài được gia hạn, sửa đổi, bổ sung;

+ Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ; bản sao chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) (đối với cá nhân).

+ Bản sao chứng thực văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước;

+ Bản gốc Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết[[53]](#footnote-53):*** 05ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính[[54]](#footnote-54):***

- Tổ chức, cá nhân có thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

- Tổ chức, cá nhân có thỏa thuận gia hạn nội dung chuyển giao công nghệ đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ được các bên ký kết trước ngày 01/7/2018, sau khi gia hạn thuộc trường hợp phải đăng ký chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Chuyển giao công nghệ.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ Quốc phòng).

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính[[55]](#footnote-55):*** Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

***h. Phí, lệ phí:*** Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai[[56]](#footnote-56):*** [Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ](http://www.most.gov.vn:8065/most/18Mau1_don_de_nghi.doc/mlfile_view)*.*

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính[[57]](#footnote-57):***

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ, bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước hoặc bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài thay mặt các bên phải gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

- Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ;

- Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.

**Mẫu**

**Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ**

*(Ban hành theo Thông tư số 02/2008/TT-BKHCN ngày 15/5/2018*

*của Bộ Khoa học và Công nghệ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **...............................(1)**Số: ...../...... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm* |

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**

**ĐĂNG KÝ GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

Kính gửi: ..................(2)

Tên tổ chức, cá nhân:..................................................................(1)

Địa chỉ:................ Số điện thoại: .............. Email: ..................... (3)

Đề nghị .......(2) xem xét, cấp đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ như sau:

**I. Các Bên tham gia chuyển giao công nghệ**

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)(5):...............................................................

- Địa chỉ:.........................................................................................

- Điện thoại (tel):.................................... Email: ............... ..........

 Fax:..................................................... Website: ......................

- Người đại diện:.................................... Chức danh:...................

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.............................................

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)(5):................................................................

- Địa chỉ:..........................................................................................

- Điện thoại (tel):.................................... Email: ................... ........

 Fax:..................................................... Website: ........................

- Người đại diện:.................................... Chức danh:.....................

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:...............................................

**II. Nội dung chuyển giao công nghệ(4)**

1. Giấy chứng nhận đăng ký số ....... ngày .... tháng ... năm do .....(tên cơ quan cấp đăng ký) cấp
2. Tên công nghệ:......................... Lĩnh vực:....................................
3. Đối tượng công nghệ chuyển giao

|  |  |
| --- | --- |
| Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ | □ |
| Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu | □ |
| Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ | □ |
| Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chuyển giao | □ |
| Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp - Số văn bằng bảo hộ hoặc Số đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ): ..... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)- Số Giấy chứng nhận chuyển giao quyền sở hữu/quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:. (số, ngày cấp, ngày gia hạn) | Sáng chế | □ |
| Giải pháp hữu ích | □ |
| Kiểu dáng công nghiệp | □ |

1. Hình thức chuyển giao công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| Chuyển giao công nghệ độc lập | □ |
| Phần chuyển giao công nghệ trong các trường hợp | Dự án đầu tư | □ |
| Góp vốn bằng công nghệ | Vào dự án đầu tư | □ |
| Hình thức khác(ghi tên hình thức khác nếu có) | □ |
| Nhượng quyền thương mại | □ |
| Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ | □ |
| Mua bán máy móc, thiết bị đi kèm  đối tượng công nghệ chuyển giao | Theo hợp đồng mua bán độc lập | □ |
| Theo dự án đầu tư | □ |
| Hình thức khác (nếu có)(6) | □ |

1. Phương thức chuyển giao công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| Chuyển giao tài liệu về công nghệ | □ |
| Đào tạo | □ |
| Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật | □ |
| Chuyển giao máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ và theo các phương thức: Chuyển giao tài liệu về công nghệ; đào tạo; cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật | □ |
| Phương thức chuyển giao khác (nếu có)(7) | □ |

1. Quyền chuyển giao công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ | □ |
| Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ | Được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác  | □ |
| Không được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác | □ |
| Chuyển giao độc quyền sử dụng công nghệ | □ |
| Chuyển giao không độc quyền sử dụng công nghệ | □ |

1. Sản phẩm công nghệ tạo ra:

- Tên, ký hiệu sản phẩm;

- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, QCVN, tiêu chuẩn quốc tế,...);

- Sản lượng(8);

- Tỷ lệ xuất khẩu(9).

1. Giá, phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ:

- Giá chuyển giao;

- Phương thức thanh toán;

- Chi phí đã thanh toán đến thời điểm đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

1. Thời gian thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ
2. Thời hạn còn lại của hợp đồng chuyển giao công nghệ
3. Số lần gia hạn, sửa đổi, bổ sung chuyển giao công nghệ

- Gia hạn, sửa đổi, bổ sung lần 1:

+ Nội dung;

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

- Gia hạn, sửa đổi, bổ sung lần ...:

+ Nội dung;

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

**III. Nội dung đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung**

1. Nội dung đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung: Nêu cụ thể đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung

2. Lý do gia hạn, sửa đổi, bổ sung: nêu cụ thể đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung

3. Giá chuyển giao nội dung công nghệ đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung (nếu có)(10)

**V. Các văn bản kèm theo đơn đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung**

|  |  |
| --- | --- |
| Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt(11) | □ |
| Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng ....... (nước ngoài)(11) | □ |
| Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao công nghệ được gia hạn, sửa đổi, bổ sung bằng tiếng Việt(12)  | □ |
| Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ được gia hạn, sửa đổi, bổ sung bằng tiếng ....... (nước ngoài)(12) | □ |
| Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ | □ |
| Bản sao chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu còn thời hạn theo quy định (đối với cá nhân) | □ |
| Bản sao chứng thực văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước | □ |
| Bản gốc Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ) | □ |

.............(1) thay mặt các Bên tham gia chuyển giao công nghệ .......(3) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung được nêu trên đây và tài liệu kèm theo. Nếu được ........(13), các bên tham gia chuyển giao công nghệ cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN(1)**(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)(14) |

**Ghi chú:**

* (1): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
* (2): Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
* (3): Địa chỉ, thông tin liên lạc của (1).
* (4): Tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thực hiện kê khai thông tin như sau:
* Trường hợp 1: Trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, tổ chức, cá nhân đã đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ tại cơ quan đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì không bắt buộc phải kê khai thông tin tại Mục này.
* Trường hợp 2: Trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì phải kê khai đầy đủ các nội dung yêu cầu tại Mục này.
* (5): Trường hợp là cá nhân phải cung cấp thông tin cá nhân gồm: Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) số .................... Ngày cấp:................ Nơi cấp:..................
* (6): Ghi rõ tên hình thức, cơ sở thực hiện hình thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.
* (7): Ghi rõ tên phương thức, cơ sở thực hiện phương thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.
* (8): Tổng số lượng sản phẩm (đơn vị) do công nghệ được chuyển giao sản xuất ra theo nội dung chuyển giao công nghệ được đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.
* (9): Tính theo số lượng hoặc giá trị trong một năm (năm thực hiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung hoặc năm trước liền kề năm thực hiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung).
* (10): Trường hợp có thay đổi về giá chuyển giao công nghệ, đề nghị nêu cụ thể giá đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung và phương thức thanh toán tương ứng với mỗi nội dung đó.
* (11): Nộp một trong hai bản, bản dịch công chứng tiếng Việt hoặc bản gốc/bản sao chứng thực hợp đồng bằng tiếng Việt.
* (12): Trong trường hợp trước ngày 01/7/2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
* (13): Ghi “gia hạn nội dung chuyển giao công nghệ” trong trường hợp đăng ký gia hạn nội dung chuyển giao công nghệ; Ghi “sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ” trong trường hợp đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Ghi “gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ” trong trường hợp đồng thời đăng ký gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
* (14): Trường hợp là cá nhân chỉ cần ký, ghi rõ họ tên.
* Đối với ô trống □, nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu “🗸” vào trong ô trống*.*

**Mẫu**

**Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ**

*(Ban hành theo Thông tư số 02/2008/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**



**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**ĐĂNG KÝ GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

**QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN**

Bên giao và bên nhận công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Không được sửa chữa, tẩy xoá nội dung trong Giấy chứng nhận.

3. Không được cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận.

4. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận theo đúng quy định.

5. Thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận khi bị mất hoặc rách, nát.

**TÊN CƠ QUAN CHỨNG NHẬN**

**ĐĂNG KÝ GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

**CHỨNG NHẬN**

**ĐĂNG KÝ GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

*Đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung lần thứ: …, ngày … tháng … năm …*

**Số: … /GCN-… cấp ngày … tháng … năm …**

**1. Bên giao công nghệ:**

Tên:

Trụ sở chính:

Số điện thoại: fax: Email:

Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh,...) số .... ngày ... tháng ... năm ... do ....(tên cơ quan) cấp.

Mã số doanh nghiệp/thuế:

**2. Bên nhận công nghệ:**

Tên:

Trụ sở chính:

Số điện thoại: fax: Email:

Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh,...) số .... ngày ... tháng ... năm ... do ....(tên cơ quan) cấp.

Mã số doanh nghiệp/thuế:

**Đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ:**

1. Tên văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung chuyển giao công nghệ *(tên, số, ngày ký)*:

2. Tên công nghệ chuyển giao:

3. Hình thức chuyển giao công nghệ *(dự án đầu tư/mua bán độc lập/hình thức khác)*:

4. Đối tượng công nghệ chuyển giao:

5. Tên sản phẩm *(do công nghệ chuyển giao tạo ra)*:

6. Thời gian gia hạn chuyển giao công nghệ *(đối với trường hợp gia hạn)*:

7. Nội dung sửa đổi, bổ sung *(đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung)*:

**Số đăng ký:..../ĐK-..... Quyển số:..... ngày ... tháng ... năm ...**

|  |
| --- |
| **Tên cơ quan chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ***(Chữ ký, chức vụ, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)[[58]](#footnote-58)**

***a. Trình tự thực hiện[[59]](#footnote-59):***

- Tổ chức, cá nhân (bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước hoặc bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) thay mặt các bên gửi hồ sơ đăng ký chuyển giao công nghệ đến Sở Khoa học và Công nghệ đối với:

+ Chuyển giao công nghệ của dự án đầu tư trên địa bàn quản lý thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công; thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không thuộc trường hợp phải có quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

+ Trường hợp tự nguyện đăng ký chuyển giao công nghệ (nơi bên đăng ký chuyển giao công nghệ đặt trụ sở chính trên địa bàn quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ).

- Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định;

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

+ Trường hợp hồ sơ có nội dung cần phải sửa đổi, bổ sung, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị bên đăng ký chuyển giao công nghệ sửa đổi, bổ sung;

+ Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Sở Khoa học và Công nghệ hoặc qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ[[60]](#footnote-60):***

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị đăng ký chuyển giao công nghệ;

+ Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực văn bản giao kết chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với văn bản giao kết chuyển giao công nghệ bằng tiếng nước ngoài;

+ Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ;

+ Giấy xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia hợp đồng;

+ Bản sao chứng thực Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước;

+ Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết[[61]](#footnote-61):*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính[[62]](#footnote-62):***Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp phải đăng ký chuyển giao công nghệ hoặc thuộc trường hợp tự nguyện đăng ký chuyển giao công nghệ.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Sở Khoa học và Công nghệ.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính[[63]](#footnote-63):*** Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

***h. Phí, lệ phí:*** Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai[[64]](#footnote-64):*** [Văn bản đề nghị đăng ký chuyển giao công nghệ](http://www.most.gov.vn/most/hdquanlyKHCN/CaccachHC/17Mau1_don_de_nghi.doc/mlfile_view).

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính[[65]](#footnote-65):***

**-**Trong trường hợp phải đăng ký chuyển giao công nghệ theo quy định, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký văn bản giao kết chuyển giao công nghệ, bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước hoặc bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài thay mặt các bên phải gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

- Văn bản đề nghị đăng ký chuyển giao công nghệ cần ghi rõ cam kết trách nhiệm của các bên bảo đảm nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

- Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.

**Mẫu**

**Văn bản đề nghị đăng ký chuyển giao công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Tỉnh (thành phố), ngày    tháng    năm*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố … |

**I. CÁC BÊN THAM GIA CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân):

- Địa chỉ:

- Điện thoại (tel):                                                      Email:

Fax:                                                                                Website:

- Người đại diện:                                                             Chức danh:

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân):

- Địa chỉ:

- Điện thoại (tel):                                                             Email:

Fax:                                                                                Website:

- Người đại diện:                                                              Chức danh:

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

**II. NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

1. Công nghệ chuyển giao

- Tên công nghệ:

- Lĩnh vực công nghệ chuyển giao:

- Thời hạn văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ:

2. Đối tượng công nghệ chuyển giao

|  |  |
| --- | --- |
| Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ | □ |
| Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu | □ |
| Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ | □ |
| Máy móc, thiết bị đi kèm các đối tượng nêu trên | □ |
| Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp- Số văn bằng bảo hộ hoặc số đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ):... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)- Số giấy chứng nhận chuyển giao quyền sở hữu/quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:... (số, ngày cấp, ngày gia hạn) | Sáng chế | □ |
| Giải pháp hữu ích | □ |
| Kiểu dáng công nghiệp | □ |

3. Hình thức chuyển giao công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| Chuyển giao công nghệ độc lập | □ |
| Dự án đầu tư | □ |
| Góp vốn bằng công nghệ | Vào dự án đầu tư | □ |
| Hình thức khác*(ghi tên hình thức khác nếu có)* | □ |
| Nhượng quyền thương mại | □ |
| Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ | □ |
| Mua bán máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ chuyển giao | Theo hợp đồng mua bán độc lập | □ |
| Theo dự án đầu tư | □ |
| Hình thức khác *(ghi tên hình thức khác nếu có)* | □ |

4. Phương thức chuyển giao công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| Chuyển giao tài liệu về công nghệ | □ |
| Đào tạo | □ |
| Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật | □ |
| Chuyển giao máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ và theo các phương thức: Chuyển giao tài liệu về công nghệ; đào tạo; cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật | □ |
| Phương thức chuyển giao khác *(ghi tên phương thức khác nếu có)* | □ |

5. Phạm vi quyền chuyển giao công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ | □ |
| Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ | Được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác | □ |
| Không được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ | □ |
| Chuyển giao độc quyền sử dụng công nghệ | □ |
| Chuyển giao không độc quyền sử dụng công nghệ | □ |

6. Giá trị chuyển giao công nghệ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Giá trị** |
| 1 | Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ |   |
| 2 | Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp | Sáng chế |   |
| Giải pháp hữu ích |   |
| Kiểu dáng công nghiệp |   |
| 3 | Đào tạo |   |
| 3.1 | Đào tạo nước ngoài |   |
| 3.2 | Đào tạo trong nước |   |
| 4 | Hỗ trợ kỹ thuật |   |
| 5 | Máy móc, thiết bị |   |
| Tổng: |   |

7. Phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| Trả một lần bằng tiền hoặc hàng hóa | □ |
| Trả nhiều lần bằng tiền hoặc hàng hóa *(số lần………)* | □ |
| Trả theo phần trăm (%) giá bán tịnh | □ |
| Trả theo phần trăm (%) doanh thu thuần | □ |
| Trả theo phần trăm (%) lợi nhuận | Trước thuế của bên nhận | □ |
| Sau thuế của bên nhận | □ |
| Phương thức thanh toán khác *(nêu tên phương thức)* | □ |

8. Sản phẩm công nghệ tạo ra:

- Tên, ký hiệu sản phẩm:

- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, tiêu chuẩn cơ sở, quốc tế,...):

- Sản lượng:

- Tỷ lệ xuất khẩu (nếu xác định được):

9. Vai trò của công nghệ với ứng phó biến đổi khí hậu *(với công nghệ chuyển giao phục vụ cho các chương trình, dự án có mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu)*

|  |  |
| --- | --- |
| Công nghệ hỗ trợ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính | □ |
| Công nghệ hỗ trợ thích ứng với biến đổi khí hậu | □ |

**III. CÁC VĂN BẢN KÈM THEO ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

|  |  |
| --- | --- |
| Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt | □ |
| Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng………… (nước ngoài) | □ |
| Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ | □ |
| Giấy xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia hợp đồng | □ |
| Bản sao chứng thực Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước | □ |
| Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký chuyển giao công nghệ) | □ |

Chúng tôi xin cam kết các thông tin được nêu trên đây là đúng sự thực và nội dung hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật, nếu sai chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|   | **TM. CÁC BÊNBÊN NHẬN**(trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc chuyển giao công nghệ trong nước)**hoặcBÊN GIAO**(trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) |

***Lưu ý:*** *Đối với ô trống □, nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu “ √” vào trong ô trống.*

**Mẫu**

**Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ**

*(Ban hành theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**



**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

**QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN**

Bên giao và bên nhận công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Không được sửa chữa, tẩy xoá nội dung trong Giấy chứng nhận.

3. Không được cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận.

4. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận theo đúng quy định.

5. Thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận khi bị mất hoặc rách, nát.

**Đăng ký chuyển giao công nghệ:**

1. Tên văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ *(tên, số, ngày ký)*:

2. Tên công nghệ chuyển giao:

3. Hình thức chuyển giao công nghệ *(dự án đầu tư/mua bán độc lập/hình thức khác)*:

4. Đối tượng công nghệ chuyển giao:

5. Thời hạn văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ:

6. Tên sản phẩm *(do công nghệ chuyển giao tạo ra)*:

 **Số đăng ký: ..../ĐK-..... Quyển số: ..... ngày ... tháng ... năm ...**

|  |
| --- |
| **GIÁM ĐỐC***(Chữ ký, chức vụ, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH/THÀNH PHỐ …**

**CHỨNG NHẬN**

**ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

**Số: … /GCN-… cấp ngày … tháng … năm …**

**1. Bên giao công nghệ:**

Tên:

Trụ sở chính:

Số điện thoại: fax: Email:

Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh,...) số .... ngày ... tháng ... năm ... do ....(tên cơ quan) cấp.

Mã số doanh nghiệp/thuế:

**2. Bên nhận công nghệ:**

Tên:

Trụ sở chính:

Số điện thoại: fax: Email:

Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh,...) số .... ngày ... tháng ... năm ... do ....(tên cơ quan) cấp.

Mã số doanh nghiệp/thuế:

**2. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)[[66]](#footnote-66)**

***a. Trình tự thực hiện[[67]](#footnote-67):***

- Tổ chức, cá nhân (bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước hoặc bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) thay mặt các bên gửi hồ sơ đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ đến Sở Khoa học và Công nghệ (nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ).

- Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định;

+ Nếu hồ sơ đáp ứng yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

+ Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Sở Khoa học và Công nghệ hoặc qua đường bưu điện.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ[[68]](#footnote-68):***

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ;

+ Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng nước ngoài;

+ Trong trường hợp trước ngày 01/7/2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ: Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt được gia hạn, sửa đổi, bổ sung hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng nước ngoài được gia hạn, sửa đổi, bổ sung;

+ Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ; bản sao chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) (đối với cá nhân).

+ Bản sao chứng thực văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước;

+ Bản gốc Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết[[69]](#footnote-69):*** 05ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính[[70]](#footnote-70):***

- Tổ chức, cá nhân có thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

- Tổ chức, cá nhân có thỏa thuận gia hạn nội dung chuyển giao công nghệ đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ được các bên ký kết trước ngày 01/7/2018, sau khi gia hạn thuộc trường hợp phải đăng ký chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Chuyển giao công nghệ hoặc không thuộc trường hợp phải đăng ký chuyển giao công nghệ nhưng có nhu cầu đăng ký gia hạn.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Sở Khoa học và Công nghệ

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính[[71]](#footnote-71):*** Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

***h. Phí, lệ phí:*** Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai[[72]](#footnote-72):*** [Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ](http://www.most.gov.vn:8065/most/18Mau1_don_de_nghi.doc/mlfile_view)*.*

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính[[73]](#footnote-73):***

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ, bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước hoặc bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài thay mặt các bên phải gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

- Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ;

- Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.

**Mẫu**

**Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ**

*(Ban hành theo Thông tư số 02/2008/TT-BKHCN ngày 15/5/2018*

*của Bộ Khoa học và Công nghệ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **...............................(1)**Số: ...../...... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm* |

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**

**ĐĂNG KÝ GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

Kính gửi: ..................(2)

Tên tổ chức, cá nhân:..................................................................(1)

Địa chỉ:................ Số điện thoại: .............. Email: ..................... (3)

Đề nghị .......(2) xem xét, cấp đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ như sau:

**I. Các Bên tham gia chuyển giao công nghệ**

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)(5):...............................................................

- Địa chỉ:.........................................................................................

- Điện thoại (tel):.................................... Email: ............... ..........

 Fax:..................................................... Website: ......................

- Người đại diện:.................................... Chức danh:...................

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.............................................

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)(5):................................................................

- Địa chỉ:..........................................................................................

- Điện thoại (tel):.................................... Email: ................... ........

 Fax:..................................................... Website: ........................

- Người đại diện:.................................... Chức danh:.....................

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:...............................................

**II. Nội dung chuyển giao công nghệ(4)**

1. Giấy chứng nhận đăng ký số ....... ngày .... tháng ... năm do .....(tên cơ quan cấp đăng ký) cấp
2. Tên công nghệ:......................... Lĩnh vực:....................................
3. Đối tượng công nghệ chuyển giao

|  |  |
| --- | --- |
| Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ | □ |
| Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu | □ |
| Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ | □ |
| Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chuyển giao | □ |
| Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp - Số văn bằng bảo hộ hoặc Số đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ): ..... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)- Số Giấy chứng nhận chuyển giao quyền sở hữu/quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:. (số, ngày cấp, ngày gia hạn) | Sáng chế | □ |
| Giải pháp hữu ích | □ |
| Kiểu dáng công nghiệp | □ |

1. Hình thức chuyển giao công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| Chuyển giao công nghệ độc lập | □ |
| Phần chuyển giao công nghệ trong các trường hợp | Dự án đầu tư | □ |
| Góp vốn bằng công nghệ | Vào dự án đầu tư | □ |
| Hình thức khác(ghi tên hình thức khác nếu có) | □ |
| Nhượng quyền thương mại | □ |
| Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ | □ |
| Mua bán máy móc, thiết bị đi kèm  đối tượng công nghệ chuyển giao | Theo hợp đồng mua bán độc lập | □ |
| Theo dự án đầu tư | □ |
| Hình thức khác (nếu có)(6) | □ |

1. Phương thức chuyển giao công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| Chuyển giao tài liệu về công nghệ | □ |
| Đào tạo | □ |
| Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật | □ |
| Chuyển giao máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ và theo các phương thức: Chuyển giao tài liệu về công nghệ; đào tạo; cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật | □ |
| Phương thức chuyển giao khác (nếu có)(7) | □ |

1. Quyền chuyển giao công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ | □ |
| Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ | Được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác  | □ |
| Không được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác | □ |
| Chuyển giao độc quyền sử dụng công nghệ | □ |
| Chuyển giao không độc quyền sử dụng công nghệ | □ |

1. Sản phẩm công nghệ tạo ra:

- Tên, ký hiệu sản phẩm;

- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, QCVN, tiêu chuẩn quốc tế,...);

- Sản lượng(8);

- Tỷ lệ xuất khẩu(9).

1. Giá, phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ:

- Giá chuyển giao;

- Phương thức thanh toán;

- Chi phí đã thanh toán đến thời điểm đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

1. Thời gian thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ
2. Thời hạn còn lại của hợp đồng chuyển giao công nghệ
3. Số lần gia hạn, sửa đổi, bổ sung chuyển giao công nghệ

- Gia hạn, sửa đổi, bổ sung lần 1:

+ Nội dung;

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

- Gia hạn, sửa đổi, bổ sung lần ...:

+ Nội dung;

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

**III. Nội dung đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung**

1. Nội dung đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung: Nêu cụ thể đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung

2. Lý do gia hạn, sửa đổi, bổ sung: nêu cụ thể đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung

3. Giá chuyển giao nội dung công nghệ đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung (nếu có)(10)

**V. Các văn bản kèm theo đơn đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung**

|  |  |
| --- | --- |
| Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt(11) | □ |
| Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng ....... (nước ngoài)(11) | □ |
| Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao công nghệ được gia hạn, sửa đổi, bổ sung bằng tiếng Việt(12)  | □ |
| Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ được gia hạn, sửa đổi, bổ sung bằng tiếng ....... (nước ngoài)(12) | □ |
| Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ | □ |
| Bản sao chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu còn thời hạn theo quy định (đối với cá nhân) | □ |
| Bản sao chứng thực văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước | □ |
| Bản gốc Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ) | □ |

.............(1) thay mặt các Bên tham gia chuyển giao công nghệ .......(3) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung được nêu trên đây và tài liệu kèm theo. Nếu được ........(13), các bên tham gia chuyển giao công nghệ cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN(1)**(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)(14) |

**Ghi chú:**

* (1): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
* (2): Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
* (3): Địa chỉ, thông tin liên lạc của (1).
* (4): Tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thực hiện kê khai thông tin như sau:
* Trường hợp 1: Trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, tổ chức, cá nhân đã đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ tại cơ quan đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì không bắt buộc phải kê khai thông tin tại Mục này.
* Trường hợp 2: Trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì phải kê khai đầy đủ các nội dung yêu cầu tại Mục này.
* (5): Trường hợp là cá nhân phải cung cấp thông tin cá nhân gồm: Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) số .................... Ngày cấp:................ Nơi cấp:..................
* (6): Ghi rõ tên hình thức, cơ sở thực hiện hình thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.
* (7): Ghi rõ tên phương thức, cơ sở thực hiện phương thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.
* (8): Tổng số lượng sản phẩm (đơn vị) do công nghệ được chuyển giao sản xuất ra theo nội dung chuyển giao công nghệ được đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.
* (9): Tính theo số lượng hoặc giá trị trong một năm (năm thực hiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung hoặc năm trước liền kề năm thực hiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung).
* (10): Trường hợp có thay đổi về giá chuyển giao công nghệ, đề nghị nêu cụ thể giá đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung và phương thức thanh toán tương ứng với mỗi nội dung đó.
* (11): Nộp một trong hai bản, bản dịch công chứng tiếng Việt hoặc bản gốc/bản sao chứng thực hợp đồng bằng tiếng Việt.
* (12): Trong trường hợp trước ngày 01/7/2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
* (13): Ghi “gia hạn nội dung chuyển giao công nghệ” trong trường hợp đăng ký gia hạn nội dung chuyển giao công nghệ; Ghi “sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ” trong trường hợp đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Ghi “gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ” trong trường hợp đồng thời đăng ký gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
* (14): Trường hợp là cá nhân chỉ cần ký, ghi rõ họ tên.

- Đối với ô trống □, nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu “🗸” vào trong ô trống.

**Mẫu**

**Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ**

*(Ban hành theo Thông tư số 02/2008/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN**

Bên giao và bên nhận công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Không được sửa chữa, tẩy xoá nội dung trong Giấy chứng nhận.

3. Không được cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận.

4. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận theo đúng quy định.

5. Thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận khi bị mất hoặc rách, nát.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**



**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**ĐĂNG KÝ GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH/THÀNH PHỐ …**

**CHỨNG NHẬN**

**ĐĂNG KÝ GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

*Đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung lần thứ: …, ngày … tháng … năm …*

**Số: … /GCN-… cấp ngày … tháng … năm …**

**1. Bên giao công nghệ:**

Tên:

Trụ sở chính:

Số điện thoại: fax: Email:

Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh,...) số .... ngày ... tháng ... năm ... do ....(tên cơ quan) cấp.

Mã số doanh nghiệp/thuế:

**2. Bên nhận công nghệ:**

Tên:

Trụ sở chính:

Số điện thoại: fax: Email:

Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh,...) số .... ngày ... tháng ... năm ... do ....(tên cơ quan) cấp.

Mã số doanh nghiệp/thuế:

**Đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ:**

1. Tên văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung chuyển giao công nghệ *(tên, số, ngày ký)*:

2. Tên công nghệ chuyển giao:

3. Hình thức chuyển giao công nghệ *(dự án đầu tư/mua bán độc lập/hình thức khác)*:

4. Đối tượng công nghệ chuyển giao:

5. Tên sản phẩm *(do công nghệ chuyển giao tạo ra)*:

6. Thời gian gia hạn chuyển giao công nghệ *(đối với trường hợp gia hạn)*:

7. Nội dung sửa đổi, bổ sung *(đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung)*:

**Số đăng ký:..../ĐK-..... Quyển số:..... ngày ... tháng ... năm ...**

|  |
| --- |
| **GIÁM ĐỐC***(Chữ ký, chức vụ, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

1. Thông tư số 02/2008/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ. [↑](#footnote-ref-1)
2. Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...). [↑](#footnote-ref-2)
3. Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,…). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo. [↑](#footnote-ref-3)
4. Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...). [↑](#footnote-ref-4)
5. Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,…). Trường hợp số liệu nhiều thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận lập thành Phụ lục kèm theo. [↑](#footnote-ref-5)
6. Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...). [↑](#footnote-ref-6)
7. Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,…). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo. [↑](#footnote-ref-7)
8. Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...). [↑](#footnote-ref-8)
9. Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,…). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo. [↑](#footnote-ref-9)
10. Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...). [↑](#footnote-ref-10)
11. Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,…). Trường hợp số liệu nhiều thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận lập thành Phụ lục kèm theo. [↑](#footnote-ref-11)
12. Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...). [↑](#footnote-ref-12)
13. Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,…). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo. [↑](#footnote-ref-13)
14. Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...). [↑](#footnote-ref-14)
15. Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,…). Trường hợp số liệu nhiều thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận lập thành Phụ lục kèm theo. [↑](#footnote-ref-15)
16. Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...). [↑](#footnote-ref-16)
17. Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,…). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo. [↑](#footnote-ref-17)
18. Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...). [↑](#footnote-ref-18)
19. Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,…). Trường hợp số liệu nhiều thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận lập thành Phụ lục kèm theo. [↑](#footnote-ref-19)
20. Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...). [↑](#footnote-ref-20)
21. Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,…). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo. [↑](#footnote-ref-21)
22. Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...). [↑](#footnote-ref-22)
23. Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,…). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo. [↑](#footnote-ref-23)
24. Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...). [↑](#footnote-ref-24)
25. Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,…). Trường hợp số liệu nhiều thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận lập thành Phụ lục kèm theo. [↑](#footnote-ref-25)
26. Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...). [↑](#footnote-ref-26)
27. Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,…). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo. [↑](#footnote-ref-27)
28. Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...). [↑](#footnote-ref-28)
29. Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,…). Trường hợp số liệu nhiều thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận lập thành Phụ lục kèm theo. [↑](#footnote-ref-29)
30. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-30)
31. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-31)
32. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN. [↑](#footnote-ref-32)
33. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN; [↑](#footnote-ref-33)
34. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-34)
35. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-35)
36. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-36)
37. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN. [↑](#footnote-ref-37)
38. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-38)
39. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN. [↑](#footnote-ref-39)
40. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN. [↑](#footnote-ref-40)
41. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-41)
42. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-42)
43. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-43)
44. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-44)
45. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-45)
46. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-46)
47. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-47)
48. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-48)
49. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 . [↑](#footnote-ref-49)
50. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-50)
51. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-51)
52. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN. [↑](#footnote-ref-52)
53. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-53)
54. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-54)
55. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN. [↑](#footnote-ref-55)
56. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN. [↑](#footnote-ref-56)
57. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-57)
58. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-58)
59. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-59)
60. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-60)
61. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-61)
62. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-62)
63. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-63)
64. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-64)
65. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-65)
66. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-66)
67. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-67)
68. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Thông tư số 02/2018/TT-BKJHCN. [↑](#footnote-ref-68)
69. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-69)
70. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-70)
71. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN. [↑](#footnote-ref-71)
72. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN. [↑](#footnote-ref-72)
73. Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. [↑](#footnote-ref-73)